



# BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 12

Ngày 26/7/2023



TÀI LIỆU THAM KHẢO - PHỤC VỤ ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ

# **BẢN TIN THỊ TRƯỜNG**

## **TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp  
tham khảo, điều hành**

<i>Trong số này</i>	<i>Trang</i>
<b>MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý</b>	<b>1</b>
Kinh tế thế giới	1
Kinh tế trong nước	2
Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật	3
<b>THÔNG TIN NÔNG SẢN</b>	<b>4</b>
Những mặt hàng nông sản xuất khẩu tỷ USD trong 6 tháng đầu năm	4
Dự báo xuất khẩu nông lâm thủy sản sang 5 thị trường chính nửa cuối năm 2023	4
Tổng quan và dự báo mặt hàng đường niên vụ 2022 - 2023	6
<b>THÔNG TIN THỦY SẢN</b>	<b>9</b>
Xuất khẩu tôm tháng 6/2023: Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng dương đầu tiên	9
<b>THÔNG TIN CHĂN NUÔI</b>	<b>12</b>
Giá heo hơi ổn định trên mức 60.000 đồng/kg	12
<b>THÔNG TIN LÚA GẠO</b>	<b>16</b>
Tổng quan thị trường lúa gạo	16
<b>THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP</b>	<b>18</b>
Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo	18
<b>THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI</b>	<b>21</b>
Việt Nam tiếp tục triển khai mạnh các giải pháp xúc tiến thương mại	21
Những lưu ý doanh nghiệp cần biết khi xuất khẩu hàng hóa sang Ấn Độ	21
<b>THÔNG TIN GIAO THƯƠNG</b>	<b>23</b>
<b>THÔNG TIN CẢNH GIÁC</b>	<b>26</b>
Giá tôm tiếp tục giảm khiến nhiều nông dân ven biển Trà Vinh phải chuyển hướng chăn nuôi	26
<b>THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM</b>	<b>27</b>
Cảnh báo nguy cơ ngộ độc thực phẩm từ đặc sản trứng kiến	27
<b>GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG</b>	<b>28</b>
Giá cả trong tỉnh	28



## MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

### KINH TẾ THẾ GIỚI

#### \* Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng không như kỳ vọng

Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng với tốc độ yếu hơn dự kiến trong quý II do nhu cầu trong và ngoài nước suy yếu. Điều đó đang gây áp lực lên các nhà hoạch định chính sách trong việc đưa ra nhiều biện pháp kích thích hơn để thúc đẩy tăng trưởng.

Dữ liệu do Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc công bố ngày 17/7 cho thấy, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước này chỉ tăng 0,8% trong quý II so với quý trước, thấp hơn nhiều mức tăng 2,2% trong quý đầu tiên. Còn so với cùng kỳ năm trước, GDP chỉ tăng 6,3% trong quý II, mặc dù cao hơn so với mức tăng 4,5% của quý đầu năm và là tốc độ tăng trưởng hàng năm nhanh nhất kể từ quý II năm 2021, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng 7,3% theo dự báo của giới chuyên gia.

"Dữ liệu cho thấy sự bùng nổ trong giai đoạn hậu Covid của Trung Quốc rõ ràng đã kết thúc", Carol Kong - Nhà kinh tế tại Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia ở Sydney cho biết. "Mặc dù các chỉ số tăng so với số liệu của tháng 5, nhưng vẫn vẽ ra một bức tranh về sự phục hồi âm ảm đạm và chững lại, đồng thời tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên đang đạt mức cao kỷ lục", nhà kinh tế này cho biết thêm.

Các dữ liệu được công bố cùng với số liệu GDP cũng cho thấy, doanh số bán lẻ của Trung Quốc chỉ tăng 3,1%, chậm lại mạnh so với mức tăng 12,7% trong tháng 5 và thấp hơn kỳ vọng của giới chuyên gia là tăng 3,2%. Mặc dù tăng trưởng sản lượng công nghiệp bất ngờ tăng nhanh lên 4,4% trong tháng 6 từ mức 3,5% trong tháng 5, nhưng vẫn là mức tăng khá yếu ớt.

Đáng chú ý, đầu tư tài sản cố định tư nhân giảm 0,2% trong 6 tháng đầu năm, trái ngược hoàn toàn với mức tăng trưởng 8,1% trong đầu tư của các cơ quan nhà nước, cho thấy niềm tin kinh doanh tư nhân yếu. Xuất khẩu giảm mạnh nhất trong ba năm do nhu cầu trong và ngoài nước hạ nhiệt trong khi suy thoái kéo dài trên thị trường bất động sản trọng điểm đã làm mất niềm tin.

Theo nhiều nhà kinh tế, những số liệu này đã làm tăng nguy cơ nền kinh tế lớn thứ hai thế giới có thể bỏ lỡ mục tiêu tăng trưởng khiêm tốn 5% cho năm 2023. "Đó là một con số đáng thất vọng khi chỉ ở mức 6,3%, vì vậy rõ ràng đã tăng trưởng đang chậm lại", Alvin Tan - Trưởng bộ phận chiến lược ngoại hối châu Á tại RBC Capital Markets ở Singapore cho biết. "Với tốc độ này, thực sự có nguy cơ không đạt được mục tiêu tăng trưởng - mức 5% này có thể không đạt được nếu nền kinh tế tiếp tục giảm tốc với tốc độ này".

Theo các nhà phân tích, các nhà chức trách Trung Quốc có thể sẽ triển khai nhiều biện pháp kích thích hơn, bao gồm chi tiêu tài chính để tài trợ cho các dự án cơ sở hạ tầng lớn, hỗ trợ nhiều hơn cho người tiêu dùng và các công ty tư nhân, đồng thời nới lỏng một số chính sách bất động sản.

Tuy nhiên, các nhà phân tích cũng cho rằng, khó có thể xảy ra một sự thay đổi nhanh chóng. "Nhưng sự hỗ trợ thêm đó sẽ không phải là viên đạn bạc. Càng ngày, năm 2023 càng giống như một năm đáng quên đối với Trung Quốc", Murphy Cruise của Moody's Analytics cho biết.

Chưa kể là các nhà hoạch định chính sách khó có thể đưa ra bất kỳ biện pháp kích thích mạnh mẽ nào do lo ngại về rủi ro nợ ngày càng tăng. Một số nhà kinh tế cũng cảnh báo nguy cơ suy giảm băng cân đối kế toán, khi các hộ gia đình và công ty tư nhân Trung Quốc tích lũy tiền tiết kiệm, đồng thời giảm vay và chi tiêu sau ba năm vật lộn với Covid.

Thế nhưng sự suy giảm sâu hơn có thể gây mất việc làm nhiều hơn và gây ra rủi ro giảm phát, làm xói mòn thêm niềm tin của khu vực tư nhân. Trên thực tế, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên tăng lên 21,3% trong tháng 6 từ 20,8% trong tháng 5, ghi nhận mức cao kỷ lục mới. Bên cạnh đó, lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc, vốn chiếm khoảng 1/4 nền kinh tế, vẫn đang trong xu hướng giảm với giá nhà mới cho tháng 6 đang chững lại. Đầu tư bất động sản cũng giảm 20,6% trong tháng 6 so với cùng kỳ năm trước sau khi giảm 21,5% trong tháng 5, theo tính toán của Reuters.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)



## KINH TẾ TRONG NƯỚC

### \* Dự báo 3 kịch bản tăng trưởng nửa cuối năm 2023

Tại Hội thảo công bố Báo cáo “Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm và triển vọng cuối năm 2023” vừa được tổ chức, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) đã đưa ra 3 kịch bản dự báo cho kinh tế Việt Nam năm 2023.

TS. Trần Thị Hồng Minh, Viện trưởng CIEM nhận định mặc dù còn khoảng cách so với mục tiêu đề ra, song tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã ghi nhận sự cải thiện, cụ thể là quý I đạt 3,28%, quý II là 4,14% và 6 tháng đầu năm đạt 3,72%.

Trên cơ sở này, CIEM cập nhật 3 kịch bản tăng trưởng. Theo đó, kịch bản 1 là: Giả thiết các yếu tố kinh tế thế giới tiếp tục duy trì phù hợp với đánh giá của các tổ chức quốc tế và Việt Nam duy trì nỗ lực chính sách tương tự như nửa cuối của các năm 2021-2022. Tăng trưởng GDP khả năng đạt 5,34% trong năm 2023; trong đó xuất khẩu cả năm giảm 5,64% và chỉ số CPI bình quân tăng 3,43%. Cán cân thương mại đạt thặng dư ở mức 9,1 tỷ USD.

Kịch bản 2: Giữ nguyên hầu hết các giả thiết trong kịch bản 1 về các yếu tố kinh tế thế giới, song có một số điều chỉnh nới lỏng tiền tệ và tài khóa tích cực hơn ở Việt Nam. CIEM kỳ vọng tăng trưởng GDP dự báo ở mức 5,72% trong năm, xuất khẩu giảm 3,66% và CPI bình quân tăng 3,87%, cán cân thương mại đạt thặng dư ở mức 10,3 tỷ USD.

Kịch bản 3: Lạc quan hơn với giả thiết bối cảnh kinh tế thế giới có một số chuyển biến tích cực hơn (tăng trưởng phục hồi, gián đoạn chuỗi cung ứng giảm đáng kể, lạm phát ở Mỹ giảm, thời tiết thuận lợi hơn...) và sự quyết liệt trong cải cách, điều hành ở Việt Nam. Nhờ vậy, hoạt động giải ngân và hấp thụ đầu tư công, tín dụng đạt kết quả tối đa. Môi trường kinh doanh và năng suất lao động tiếp tục cải thiện. Hoạt động đầu tư được thúc đẩy và thực hiện theo hướng hiệu quả hơn. Ở kịch bản này, CIEM kỳ vọng tăng trưởng GDP có thể ở mức 6,46% trong năm 2023. Theo đó, xuất khẩu cả năm chỉ giảm 2,17%, CPI bình quân tăng 4,39%, cán cân thương mại đạt thặng dư ở mức 6,8 tỷ USD.

### \* Chính thức triển khai gói tín dụng 15.000 tỷ đồng cho lâm, thủy sản, lãi suất thấp hơn 1-2% so với thị trường

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “Nghiên cứu, đề xuất gói tín dụng 10.000 tỷ đồng để hỗ trợ cho doanh nghiệp ngành sản xuất, chế biến Lâm sản và Thủy sản”; trên cơ sở ý kiến thống nhất và các văn bản đăng ký tham gia của các Ngân hàng thương mại; ngày 14/7/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành Văn bản 5631/NHNN-TD, hướng dẫn ngân hàng thương mại triển khai Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản.

Theo đó, từ nay đến hết 30/06/2024, các Khách hàng có dự án/phương án phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản sẽ được vay vốn với lãi suất thấp hơn tối thiểu từ 1%-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn (ngắn hạn; trung, dài hạn) của chính ngân hàng cho vay áp dụng trong từng thời kỳ.

Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước còn giao các ngân hàng thương mại, theo thẩm quyền thực hiện miễn, giảm các loại phí dịch vụ đối với khách hàng tham gia chương trình này, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và quy mô hoạt động của ngân hàng.

Được biết gói tín dụng có quy mô khoảng 15.000 tỷ đồng, cao hơn dự kiến ban đầu (10.000 tỷ đồng) và đã có 12 ngân hàng thương mại đã đăng ký tham gia, gồm: Agribank, BIDV, VietinBank, Vietcombank, LPBank, Sacombank, MB, ACB, Nam A Bank, OCB, Eximbank, SHB.

Như vậy, cùng với các giải pháp về tiền tệ, tín dụng, lãi suất đã và đang triển khai thời gian qua, việc triển khai chương trình cho vay đối với lĩnh vực lâm - thủy sản tiếp tục khẳng định sự đồng hành của ngành ngân hàng trong việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)



**THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHỔ BIẾN ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT****\* Giống bắp ngọt ăn tươi SNOW WHITE**

Bắp ngọt có hàm lượng đường cao trong hạt do gen lặn phổ biến như sugary1 (su1), shrunken2 (sh2) ức chế quá trình chuyển hóa đường sang tinh bột; bắp nếp có kết cấu dính khi nấu chín với hàm lượng amylopectin cao do gen lặn waxy (wx) biểu hiện trong nội nhũ. Kết hợp gen lặn sh2 và wx tạo dòng thuần mang gen lặn kép sh2sh2wxwx là cơ sở để lai tạo giống bắp nếp ngọt và cải tiến chất lượng bắp nếp.

Thông qua việc giải mã di truyền, nhóm các nhà nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng, Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã nghiên cứu phát triển thành công giống bắp ngọt ăn tươi thế hệ mới SNOW WHITE.

Giống bắp ngọt ăn tươi SNOW WHITE có thời gian thu bắp tươi ngắn (68-75 ngày), bắp dài 18-21 cm, đường kính đạt 4,8-5,4 cm, năng suất bắp tươi đạt 11-13 tấn/ha (thâm canh tốt có thể đạt 15-17 tấn/ha). Là giống bắp ngọt thế hệ mới, SNOW WHITE kết hợp hài hòa độ ngọt, dẻo, mềm, thơm trên từng hạt bắp. Bên cạnh đó, giống bắp này mang đột biến lặn kép sh2sh2wxwx nên có chỉ số độ ngọt vượt trội (đạt 17,5-19oBrix), không chỉ dùng để ăn tươi trực tiếp mà khi hấp, luộc, nướng, chiên cũng rất ngon, đồng thời bảo quản được trong thời gian dài.

Chi tiết xin liên hệ: ThS Nguyễn Trung Đức - Viện Nghiên cứu và Phát triển cây trồng - Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội; Tel: 0985436827.



(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)



## THÔNG TIN NÔNG SẢN

### \* Những mặt hàng nông sản xuất khẩu tỷ USD trong 6 tháng đầu năm

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, trong tháng 6/2023, xuất khẩu hàng hóa của cả nước ước đạt 29,3 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước. Tính chung trong nửa đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt hơn 164 tỷ USD, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong số các mặt hàng xuất khẩu, các mặt hàng nông sản đều đang tăng trưởng mạnh về kim ngạch. Đáng chú ý, có tới 5 mặt hàng nông sản của Việt Nam góp mặt trong danh sách các mặt hàng xuất khẩu tỷ USD trong nửa đầu năm.

Đứng đầu là mặt hàng rau quả dẫn đầu các mặt hàng nông sản xuất khẩu tỷ USD trong nửa đầu năm 2023. Cụ thể, trong tháng 6, xuất khẩu rau quả đạt 723.000 USD, tăng 182,1% so với tháng 6/2022. Tính chung trong 6 tháng đầu năm, xuất khẩu rau quả đạt hơn 2,7 tỷ USD với hơn 1.000 tấn, tăng 64,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022.

“Á quân nông sản” gọi tên cà phê với trị giá 392.000 USD và hơn 150.000 tấn trong tháng 6, tăng 24,3% về kim ngạch và tăng 9,1% về sản lượng so với tháng 6/2022. Kể từ đầu năm đến nay, xuất khẩu hạt cà phê sang các nước đạt hơn 2,4 tỷ USD với hơn 1.000 tấn, tăng nhẹ 3% về kim ngạch nhưng giảm nhẹ 2,2% về sản lượng so với cùng kỳ năm 2022.

Trong 6 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo là mặt hàng nông sản đứng thứ 3 về kim ngạch với gần 2,3 tỷ USD, tăng 34,7% so với kim ngạch cùng kỳ năm 2022. Sản lượng gạo xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm đạt 4.270 tấn, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Đứng thứ 4 trong danh sách các mặt hàng nông sản xuất khẩu tỷ USD trong 6 tháng đầu năm là hạt điều. Trong tháng 6, xuất khẩu hạt điều đạt 56.000 tấn với kim ngạch đạt 325 triệu USD. Kết thúc 6 tháng đầu năm, hạt điều mang về hơn 1,61 tỷ USD với sản lượng 276.000 tấn xuất khẩu, tăng 10,5% về lượng và tăng 7,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Xếp thứ 5 là mặt hàng cao su, trong tháng 6/2023, xuất khẩu cao su đạt 180.000 tấn với kim ngạch đạt 239 triệu USD. Tính chung trong 6 tháng đầu năm, xuất khẩu cao su mang về 1,05 tỷ USD với sản lượng 766.000 tấn, giảm nhẹ 2,6% về lượng và 26,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trong nửa cuối năm 2023, các mặt hàng nông sản vẫn sẽ tiếp tục là điểm sáng dẫn dắt bức tranh xuất nhập khẩu của cả nước, đặc biệt là mặt hàng rau quả. Đánh giá về mức tăng trưởng này, Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến đánh giá nếu đà tăng trưởng với tốc độ này thì chắc chắn năm 2023, xuất khẩu rau quả sẽ đạt trên 5 tỷ USD, đó là hầu như chúng ta mới xuất khẩu thô, sản phẩm ở dạng quả tươi. Đặc biệt, nếu đầu tư tốt hơn nữa cho chế biến sâu, khai thác tiềm năng thị trường thì con số 10 tỷ USD từ xuất khẩu rau quả Việt Nam hoàn toàn có thể đạt được.

Với mặt hàng gạo, hiện giá gạo của Việt Nam cao xấp xỉ Ấn Độ, cao hơn Thái Lan. Việt Nam cũng đang chuẩn bị 1 triệu ha lúa gạo chất lượng cao, giảm phát thải. Sản lượng dự kiến của Việt Nam trong cả năm 2023 dự kiến sẽ đạt xấp xỉ 8 triệu tấn, dự báo mang về hơn 4 tỷ USD.

### \* Dự báo xuất khẩu nông lâm thủy sản sang 5 thị trường chính nửa cuối năm 2023

Bộ NN&PTNT dự báo xuất khẩu nông lâm thủy sản sang thị trường Trung Quốc, ASEAN sẽ duy trì đà tăng trưởng, còn các thị trường như Nhật Bản, Mỹ, EU kỳ vọng sẽ âm dần lên.

Báo cáo của Ban chỉ đạo Phát triển thị trường nông sản (Bộ NN&PTNT) thông tin 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt gần 24,6 tỷ USD, giảm 11% so với năm 2022. Trong đó, một số mặt hàng ghi nhận tăng trưởng mạnh như gạo, rau quả, điều, cà phê, lần lượt ở mức 35%, 64%, 8% và 3%.



Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc nửa đầu năm 2023 ước đạt 5,2 tỷ USD, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2022.

Việc Trung Quốc dỡ bỏ các biện pháp kiểm soát dịch COVID-19 đã giải phóng nhu cầu trong nước, tăng doanh thu khu vực du lịch và giải trí giúp kinh tế phục hồi. Theo dự báo của World Bank (WB) tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc sẽ phục hồi lên mức 5,6% trong năm 2023.

Ban chỉ đạo Phát triển thị trường nông sản dự báo từ nay tới cuối năm, xuất khẩu nông sản vào thị trường Trung Quốc sẽ duy trì tăng trưởng nhẹ khi một số nhóm hàng như rau quả, gạo, hạt điều vẫn có thể duy trì tăng trưởng, các mặt hàng suy giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm như gỗ, thủy sản, sản có thể phục hồi nhẹ trong 3 tháng cuối năm.

Với thị trường Mỹ, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản vào thị trường này 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 4,9 tỷ USD, giảm 33% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo WB, tăng trưởng kinh tế của Mỹ dự báo yếu đi đáng kể trong nửa cuối năm 2023 và đầu năm 2024 do việc thắt chặt chính sách tiền tệ, ước đạt 1,1% năm 2023.

Ban chỉ đạo Phát triển thị trường nông sản nhận định tiêu dùng trong dân đã phục hồi nhưng còn chậm, các nhóm hàng chiếm thị phần xuất khẩu lớn như gỗ và thủy sản có thể có nhu cầu tăng nhẹ vào 3 tháng cuối năm.

Mỹ đã trở lại là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng 5, điều này cho thấy tín hiệu thị trường đã có dấu hiệu tốt dần lên.

Tiếp theo là thị trường Nhật Bản, kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 1,8 tỷ USD, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2022.

Cả ba mặt hàng xuất khẩu mạnh nhất vào thị trường đều suy giảm giá trị xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm, bao gồm gỗ (677 triệu USD, giảm 0,2%); thủy sản (580 triệu USD, giảm 9%) và cà phê (128,5 triệu USD, giảm 3%). Một số mặt hàng tăng trưởng là rau quả (5%), hạt điều (15%) và sản và sản phẩm sản tăng mạnh (947%).

Theo WB, tăng trưởng GDP của nền kinh tế Nhật Bản dự báo chậm lại do thắt chặt chính sách tiền tệ, ước đạt 0,8% năm 2023. Nhu cầu của người tiêu dùng bị kìm hãm bởi sự chậm trễ về tăng trưởng chính sách tiền lương thực tế.

Ngoài ra, xuất khẩu sang thị trường EU trong nửa đầu năm 2023 đạt 2,1 tỷ USD, giảm 17% so với cùng kỳ năm 2022. Ban chỉ đạo Phát triển thị trường nông sản cho rằng EU đối mặt với khủng hoảng năng lượng và cơn sốt giá thực phẩm dẫn đến suy thoái kinh tế, cắt giảm tiêu thụ thực phẩm tại nhiều nước bao gồm cả quốc gia đầu tàu như Đức, xu hướng chuyển dịch chính sách kinh tế sang các khu vực thị trường mới.

Xuất khẩu nông lâm thủy sản vào thị trường ASEAN trong 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 2,6 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu nông lâm thủy sản sang Indonesia tăng trưởng vượt bậc 300% nhờ xuất khẩu gạo tăng 1.519%; cà phê tăng 185,5%; thị trường Philippines tăng trưởng 14%, chủ yếu đến từ mặt gạo với 31%; Singapore tăng 5%.

Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng trong khu vực ASEAN dần bình thường hóa sau khi phục hồi mạnh vào năm 2022, ước đạt 4,7% năm 2023.

Ban chỉ đạo Phát triển thị trường nông sản dự báo sự phục hồi này phần lớn đến từ việc các nước trong khu vực mở cửa kinh tế trở lại. Ngoài ra, xu hướng định hình lại chuỗi cung ứng quốc tế hiện nay cũng là cơ hội để các quốc gia trong khu vực tiếp cận với các thị trường mới, trong đó có Việt Nam.

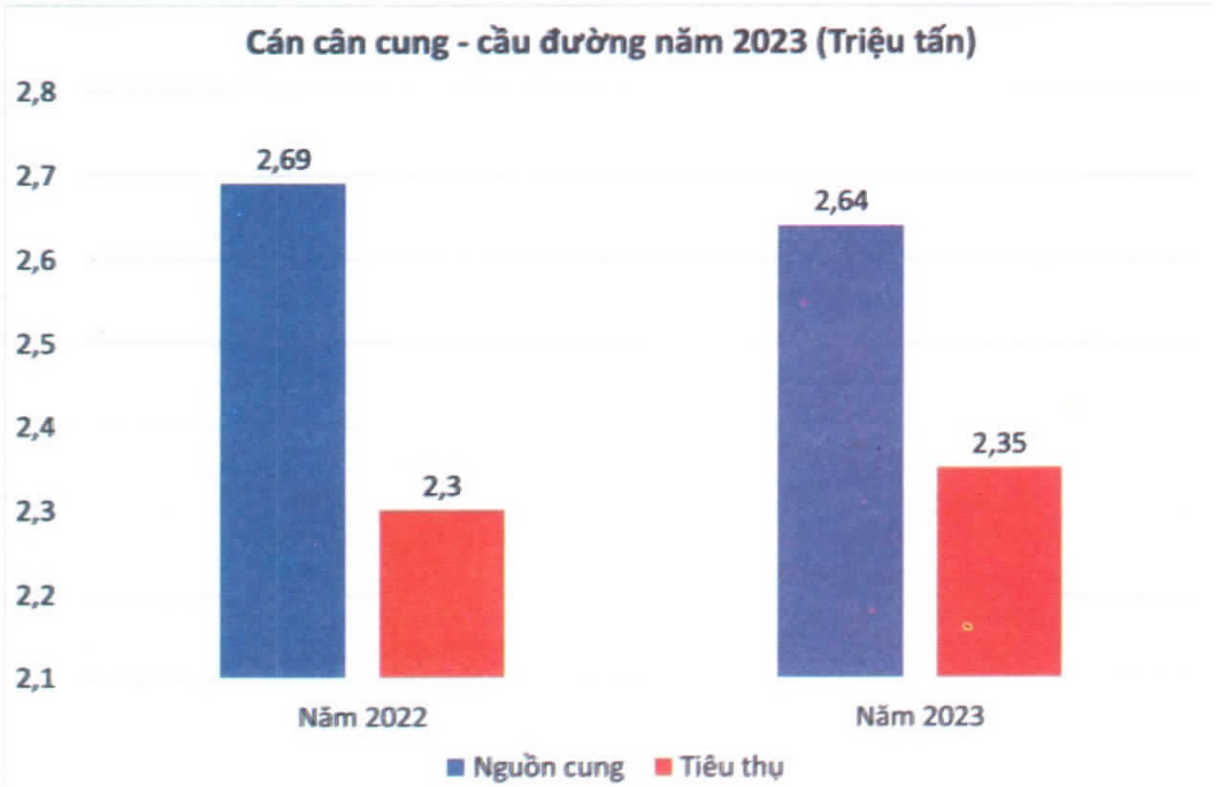
### \* Tổng quan và dự báo mặt hàng đường niên vụ 2022 - 2023

#### Dư cung sẽ được thu hẹp

Theo số liệu của Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), trong tháng 6, ngành đường Việt Nam đã hoàn thành vụ ép mía 2022-2023. Sản lượng lũy kế từ đầu vụ đã ép được 9,7 triệu tấn mía sản xuất được 941.373 tấn đường các loại. So sánh cùng kỳ với vụ ép mía 2021-2022, sản lượng mía ép đạt 144% và sản lượng đường đạt 136%. Đây đồng thời là niên vụ thứ hai tăng trưởng liên tiếp của ngành đường.

Nói về triển vọng ngành đường từ nay đến cuối năm, ông Nguyễn Văn Lộc, Chủ tịch VSSA cho rằng thị trường sẽ tiếp tục dư thừa nguồn cung khoảng 289.720 tấn. Tuy nhiên, con số này được thu hẹp so với 395.000 tấn của niên vụ trước.

Cụ thể, nhu cầu đường năm nay tương đương hoặc tăng một chút so với cùng kỳ, ở mức 2,35 triệu tấn. Đường xuất khẩu chính ngạch tăng 150% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tổng nguồn cung đường đạt gần 2,64 triệu tấn, giảm so với mức hơn 2,69 triệu tấn của năm trước.



Trong đó, đường sản xuất từ mía tăng 126% so với vụ trước. Đường lòng sirô bắp HFCS nhập khẩu tăng bùng nổ, khối lượng 244.242 tấn đường lòng tương đương với 305.302 tấn đường nhập khẩu (mà không chịu thuế).

Đường nhập lậu giảm, còn 80% so với cùng kỳ dưới tác động của sự tăng cường kiểm tra đường lậu của các cơ quan chức năng, cộng với ảnh hưởng tăng của giá đường quốc tế.

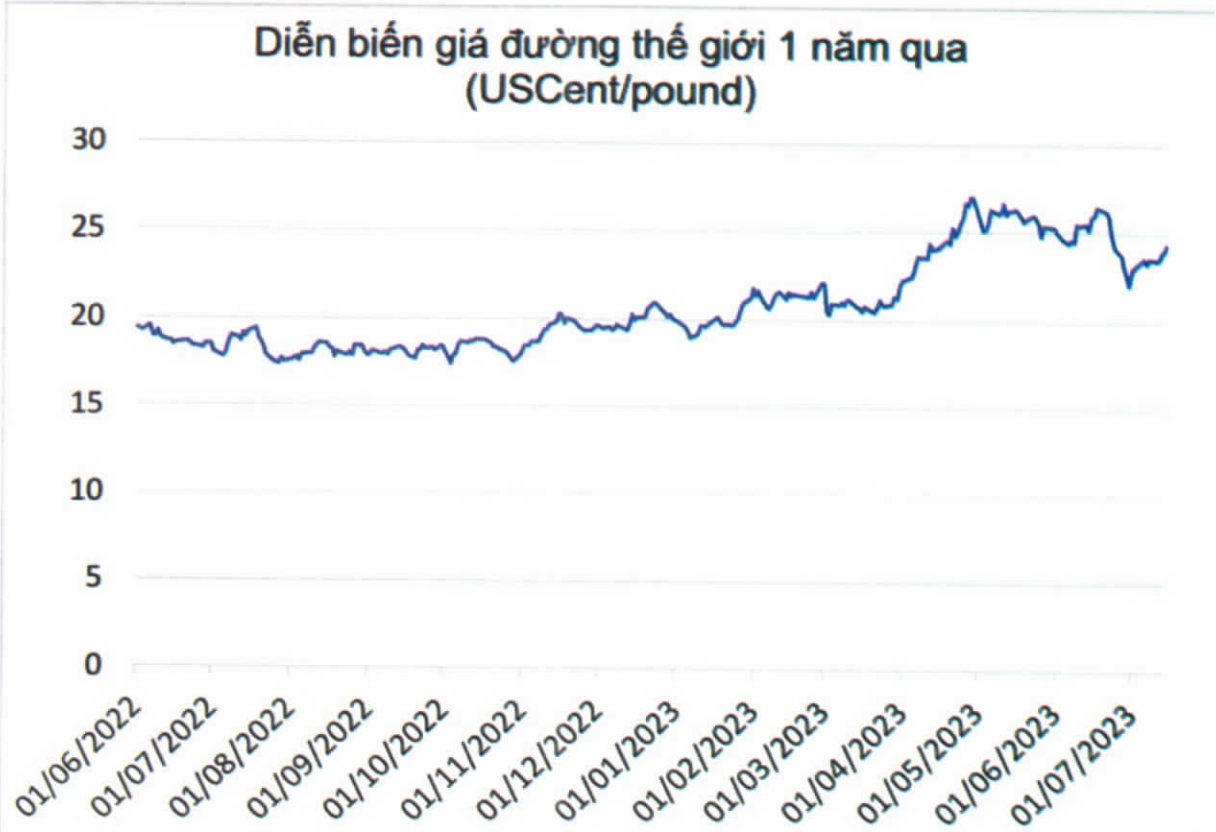
Đường nhập khẩu chính ngạch giảm, còn 40% so với cùng kỳ do ảnh hưởng tăng của giá đường quốc tế.

“Dự kiến trong tháng 7 giá đường quốc tế dự kiến ở mức cao. Giá đường trong nước sẽ ổn định và vẫn sẽ ở mức thấp hơn so với giá đường của các quốc gia trồng mía trong khu vực (Indonesia, Philippine) và Trung Quốc”, ông Lộc cho biết.



### Giá đường thế giới hạ nhiệt, đường trong nước duy trì đà tăng

Sau khi đạt đỉnh 12 năm hồi tháng 4 ở mức 27,3 US Cent/pound, giá đường thô thế giới hạ nhiệt xuống 24,3 US Cent/pound. Thậm chí trước đó, hồi cuối tháng 6, giá đường giảm xuống mức thấp nhất 3 tháng là 22 US Cent/pound.



Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc vụ Brazil bước vào vụ thu hoạch trong khi nhu cầu nhập khẩu toàn cầu, trong đó có Trung Quốc chậm lại. Sản lượng mía của Brazil năm nay được dự báo tăng 500.000 tấn lên 38,2 triệu tấn.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất đường tại Brazil cũng được tăng cường. Hiệp hội mía đường Brazil (UNICA) cho biết lượng đường tại khu vực Trung - Nam Brazil trong nửa đầu tháng 6 tăng 18,7% so với cùng kỳ năm trước lên 2,5 triệu tấn. Tính chung niên vụ 2023 - 2024 ghi nhận đến ngày 15/6, sản lượng tăng 32% lên 9,5 triệu tấn. Sản lượng đường ở khu vực này được dự báo sẽ đạt ngưỡng 39,1 triệu tấn cho toàn niên vụ 2023 - 2024, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, đà giảm giá đường bị chặn lại bởi thông tin thời tiết khô hạn tại Thái Lan, quốc gia sản xuất đường lớn thứ ba thế giới. Tính từ đầu năm đến nay, lượng mưa tại khu vực này giảm 28% so với cùng kỳ năm trước do chịu ảnh hưởng bởi El Nino. Giới chuyên gia dự báo 2023 sẽ là năm đầu tiên trong vòng 3 năm qua, sản lượng đường của Thái Lan giảm. Đồng thời đây sẽ là mức sản lượng thấp thứ hai sau niên vụ 2009 - 2010.

Hồi tháng 5, Tổ chức Đường Quốc tế đã giảm dự báo sản lượng đường toàn cầu niên vụ 2022 - 2023 từ mức 180,4 triệu tấn của lần dự báo trước đó xuống 177,4 triệu tấn. Lượng dư cung cũng được điều chỉnh từ 4,15 triệu tấn xuống 852.000 tấn.

Trái với diễn biến thị trường thế giới, giá đường Việt Nam vẫn duy trì đà tăng. Theo đó, giá đường tinh luyện dao động trong khoảng 20.800 - 22.200 đồng/kg, tăng 400 - 1.000 đồng/kg so với hồi tháng 5, theo VSSA.

Lý giải cho điều này trao đổi với người viết, ông Lộc cho rằng việc giá đường trong nước tăng là do các nhà thương mại “làm giá”.

Nửa đầu tháng 6, nguồn cung dồi dào khi vụ ép 2022-2023 đang ở chính vụ. Mặc dù vậy, các loại đường có nguồn gốc nhập khẩu giảm do các cơ quan chức năng tăng cường kiểm soát. Điều này giúp đường sản xuất từ mía tiêu thụ được.

Nửa sau tháng 6 nhu cầu không cao. Tuy nhiên, khu vực biên giới các tỉnh Tây Nguyên càng được thắt chặt kiểm soát sau vụ tấn công 2 trụ sở UBND xã ở Đắk Lắk, dẫn đến nguồn cung đường nhập lậu từ khu vực này bị giảm bớt.

Lợi dụng tình hình này, đã xuất hiện dấu hiệu giảm hàng để tăng giá các loại đường có nguồn gốc nhập khẩu dẫn đến giá đường tăng vào thời điểm cuối tháng 6.

Tuy nhiên, theo ông Lộc, với mức giá hiện tại doanh nghiệp chỉ “đủ sống” vì hiện vẫn thấp hơn nhiều so với các nước sản xuất đường trong khối ATIGA.

Diễn biến giá đường Việt Nam so với các nước lân cận trong 6 tháng đầu năm cũng cho thấy giá đường Việt Nam luôn ở mức thấp nhất. Giá đường bình quân trong tháng 6 của Việt Nam khoảng 26.000 đồng/kg, trong khi tại Philippines, mức cao hơn rất nhiều, lên tới 35.000 đồng/kg.





**THÔNG TIN THỦY SẢN****\* Xuất khẩu tôm tháng 6/2023: Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng dương đầu tiên**

Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), 6 tháng đầu năm 2023, XK tôm Việt Nam đạt 1,5 tỷ USD, giảm 32% so với cùng kỳ. Nhu cầu thị trường, giá tôm nguyên liệu và giá XK đều đi xuống, lạm phát tăng, cạnh tranh mạnh với các nguồn cung đối thủ khiến XK tôm của nước ta gặp nhiều khó khăn trong nửa đầu năm nay. DN và bà con nuôi tôm vẫn đang kỳ vọng vào những tín hiệu tích cực hơn cho hoạt động sản xuất và XK tôm trong nửa cuối năm nay.

Tháng 6/2023, XK tôm đạt 328 triệu USD, giảm 21% so với cùng kỳ năm 2022. Mức giảm 21% trong tháng 6 đã thấp hơn so với mức giảm của các tháng trước đó (tháng 3,4 và 5 ghi nhận giảm từ 28-35%).

Về thị trường tiêu thụ, tháng 6/2023, XK tôm sang các thị trường chính như Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc tiếp tục giảm 2 con số. Đáng chú ý, XK sang thị trường Trung Quốc &HK đã lần đầu tiên ghi nhận tăng trưởng dương kể từ đầu năm nay. Trong tháng 6 này, XK sang một số thị trường nhỏ hơn ghi nhận tăng trưởng dương so với cùng kỳ năm trước như Australia tăng 9%; tăng trưởng dương 2 con số được nhìn thấy trong kim ngạch XK sang Anh (tăng 23%), Đài Loan (tăng 20%), Thụy Sĩ (tăng 86%).

Thị trường EU trong 6 tháng đầu năm nay NK 193 triệu USD tôm từ Việt Nam, giảm 49% so với cùng kỳ. XK tôm sang EU trong từng tháng từ tháng 3 đến tháng 6 năm nay đều ghi nhận giảm trên 40% (giảm từ 41%-56%) và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

Chiến tranh Nga-Ukraine, người tiêu dùng chi tiêu tiết kiệm, vật giá tăng, xăng dầu tăng, đồng EUR mất giá là những nguyên nhân khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường này chậm. Người dân chọn thực phẩm giá rẻ, tôm cỡ nhỏ hơn, các nhà NK hạn chế mua vào, cố gắng bán ra để giải phóng hàng tồn kho và hạn chế lỗ.

Trên thị trường EU, tôm Việt Nam cạnh tranh mạnh với Ecuador do nguồn cung nguyên liệu của Ecuador dồi dào (hàng tháng thu hoạch khoảng trăm ngàn tấn) với giá tốt. Tôm Ecuador chiếm lĩnh thị trường EU ở khúc thị phần sản phẩm chế biến trung bình và khá. Trên thị trường này, tôm Việt Nam chỉ giữ được ưu thế ở phân khúc cao cấp.

Thị trường Nhật Bản mua 236 triệu USD tôm từ Việt Nam trong 6 tháng đầu năm nay, giảm 29% so với cùng kỳ. XK tôm Việt Nam sang Nhật Bản trong tháng 6/2023 giảm 35% - mức giảm sâu nhất kể từ tháng 3 năm nay.

Trên thị trường Nhật Bản, tôm Việt cũng phải cạnh tranh “khốc liệt” với tôm Ấn Độ và Ecuador. Theo số liệu của Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC), 4 tháng đầu năm nay, trong khi tổng NK tôm chung vào Nhật Bản giảm 10%, NK từ nguồn cung lớn nhất Việt Nam cũng ghi nhận giảm thì Nhật Bản vẫn tăng mạnh NK từ Ấn Độ và Ecuador, lần lượt là 44% và 49%. Số liệu từ Bộ Thương mại Ấn Độ cho thấy, 5 tháng đầu năm nay, Nhật Bản tăng mạnh NK tôm sù từ Ấn Độ.

XK tôm Việt Nam sang Nhật Bản những tháng đầu năm nay còn gặp khó khăn do đồng yên sụt giá mạnh. Đến đầu tháng 7/2023, đồng yên đã giảm quá mạnh, trên 145 yên cho mỗi USD, khiến việc tiêu thụ tôm vào thị trường này gặp khó khăn vì giá bán phải giảm theo đà giảm của đồng yên.

Thị trường Hàn Quốc, 6 tháng đầu năm nay, XK tôm Việt Nam sang thị trường này đạt 166 triệu USD, giảm 28% so với cùng kỳ. Tháng 6 năm nay, XK tôm Việt Nam sang Hàn Quốc giảm 21% so với cùng kỳ năm trước.

Lạm phát cao, tiền mất giá, lãi suất tăng, người dân chi tiêu tiết kiệm, tồn kho nhiều là những nguyên nhân khiến XK tôm sang thị trường này giảm. Nửa đầu năm nay, giá trị tôm XK sang Hàn Quốc không có sự biến động tăng giảm nhiều như các thị trường khác (Mỹ, Trung Quốc..)

Theo ITC, 5 tháng đầu năm nay, NK tôm của Hàn Quốc đạt trên 313 triệu USD, giảm 19% so với cùng kỳ. Việt Nam vẫn là nguồn cung lớn nhất, tiếp đó là Trung Quốc, Canada. Ấn Độ đứng thứ 8



về cung cấp tôm cho Hàn Quốc. 5 tháng đầu năm nay, Hàn Quốc tăng mạnh NK tôm từ Ấn Độ với mức tăng 143%.

Hàn Quốc tăng mạnh NK tôm nước ấm chế biến đóng gói kín khí (mã HS 160529) trong 5 tháng đầu năm nay với mức tăng 1.780% đạt 959 nghìn USD.

Thị trường Mỹ và Trung Quốc: Hai thị trường này có xu hướng tương tự nhau trong 6 tháng đầu năm nay là kim ngạch XK tháng sau cao hơn tháng trước đó và mức sụt giảm trong từng tháng cũng nhẹ dần. Hai thị trường này được coi là “tia hy vọng” cho XK tôm nửa cuối năm nay.

XK tôm Việt Nam sang Mỹ 6 tháng đầu năm nay đạt 299 triệu USD, giảm 38%. Tháng 6 năm nay, XK tôm sang Mỹ giảm 23%, mức giảm thấp nhất kể từ đầu năm. Giá trị XK tôm Việt Nam sang Mỹ trong tháng 6 đạt hơn 71 triệu USD, giá trị cao nhất kể từ đầu năm nay. Kỳ vọng giá tôm thấp tại Mỹ đã tụt đáy và mức tiêu thụ tôm cho dịp cuối năm tăng.

Theo số liệu của Cơ quan Khí quyển và Đại dương Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA), trong 5 tháng đầu năm 2023, Mỹ đã nhập khẩu 299.724 tấn tôm trị giá 2,5 tỷ USD, giảm 18% về khối lượng và 29% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022. Dự kiến xu hướng giảm nhập khẩu vẫn sẽ tiếp tục trong ít nhất 3 tháng tới. Giá trung bình NK trong tháng 5 là 8,39 USD/kg, thấp hơn 12% so với cùng kỳ nhưng cao hơn 2% so với giá trung bình tháng 4.

Mỹ nhập khẩu tôm từ 35 quốc gia khác nhau, trong đó Ấn Độ, Ecuador và Indonesia vẫn là những nguồn cung tôm chính. Hầu hết nhập khẩu từ các nguồn cung đều giảm. Tuy nhiên, có 6 quốc gia Mỹ vẫn tăng nhập khẩu bao gồm, Ả Rập Xê Út (tăng 20% khối lượng), Honduras (tăng 37%), Tây Ban Nha (tăng 33%), New Caledonia (tăng 100%) và Nigeria (tăng 4.325%), Mexico (tăng 11%).

XK tôm Việt Nam sang Trung Quốc nửa đầu năm nay đạt 239 triệu USD, giảm 19% so với cùng kỳ. Tháng 6 là tháng đầu tiên kể từ đầu năm nay, XK tôm sang Trung Quốc ghi nhận tăng so với cùng kỳ năm trước, tăng 19% đạt 59 triệu USD. Tốc độ sụt giảm nhẹ dần kể từ tháng 3.

Theo số liệu của Hải quan Trung Quốc, lượng tôm nhập khẩu của nước này trong tháng 5 tăng mạnh 77% so với cùng kỳ năm trước lên 100.310 tấn. Giá trị nhập khẩu tăng 55% lên 579 triệu USD. Tính chung 5 tháng qua, lượng tôm nhập khẩu tăng 48% lên 415.305 tấn; kim ngạch cũng tăng 28% lên 2,3 tỷ USD.

XK tôm Việt Nam từ tháng 7 trở đi dù chưa thể phục hồi so với cùng kỳ năm trước nhưng tỷ lệ sụt giảm kỳ vọng sẽ thu hẹp dần. Trong bối cảnh “khó chồng khó” hiện tại của ngành tôm, cái quan tâm hơn cả, làm sao thuyết phục được người nuôi tôm an tâm thả giống nuôi tới đây. Một bài toán quá khó, đòi hỏi thời gian cũng như sự chung tay của cả chuỗi ngành hàng, trong đó không thể thiếu vai trò hỗ trợ và quản lý nhà nước, theo như ý kiến đề xuất của TS. Hồ Quốc Lực - Nguyên Chủ tịch VASEP, Chủ tịch HĐQT FIMEX VN đề cập đến trong một bài viết của mình.

### **Tăng tốc xuất khẩu tôm trong quý 3/2023**

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đã phục hồi khá tốt. Trong đó con tôm từ giảm sút 34% so cùng kỳ ở 5 tháng thì ở 6 tháng mức này thu hẹp hơn.

Theo TS. Hồ Quốc Lực, đây là tín hiệu tốt. Ánh sáng dần lóe lên trong bối cảnh đầy u ám từ cuối quý 3 năm trước kéo dài tới nay. Tín hiệu tích cực này diễn ra trong bối cảnh chưa có lợi thế rõ ràng. Tuy nhiên, đi vào thực tế sẽ dần nhận diện ra các yếu tố tạo nền cho sự phục hồi ban đầu.

Tôm thương phẩm trong nước đã giảm đến sát đáy, thấp ngoài mức dự tính của tất cả ai quan tâm con tôm nhà. Điều này dẫn đến sự mỏi mòn của người nuôi, sẽ không còn động lực cho thả nuôi vụ mùa mưa đầy trắc trở. Giá tôm thương phẩm trong nước giảm quá thấp là một nền tảng cho sự gia tăng tiêu thụ, xuất khẩu. Tình hình tôm nuôi Ecuador, kết quả sản lượng khả quan, tuy nhiên theo thông tin có khoảng 10% hộ nuôi nhỏ đã treo ao vì giá bán thấp, thua lỗ. Chú ý là hộ nuôi nhỏ ở Ecuador là tương đương hộ nuôi trung bình khá của ta. Hiện nay tôm nuôi ở đây tập trung vào các trang trại lớn, nhất là các gia tộc có vốn nhiều, vùng nuôi lớn, có thể cơ giới hóa cũng như ứng dụng các thành tựu KHKT để tăng năng suất, giảm giá thành.

Tình hình nuôi ở Ấn Độ cũng trong hoàn cảnh tương tự, dự kiến sản lượng tôm nuôi năm nay ở đây giảm 20-30% do người nuôi giảm thả giống. Giá tiêu thụ thế giới đã chạm đáy và ngoài sức chịu



đựng của hộ nuôi ở tất cả các cường quốc nuôi tôm, cho thấy giá không thể giảm hơn nữa, đây cũng là nền tảng để các hệ thống phân phối tính toán dự trữ hàng, đây cũng là nền tảng để tăng tiêu thụ, xuất khẩu.

Bình thường trước đây, đầu quý 3 là cao điểm thu hoạch tôm của ta và Ấn Độ. Riêng Indonesia và Ecuador đã thu hoạch chính vụ sớm hơn. Nhưng theo tình hình diễn tiến, sắp tới đây tôm thương phẩm trên lưu thông các nước đều giảm mạnh, vì giảm thả nuôi vừa qua và hiện nay hoặc cuối vụ. Đây cũng là một nền tảng để các hệ thống phân phối tính toán tăng mua dự trữ vì theo quy luật cung cầu, sắp tới chắc chắn tôm thương phẩm sẽ phục hồi từng bước. Nền tảng đáng lưu ý nữa là sắp tới sẽ là mùa tiêu thụ do có lễ hội (tháng 7 là Quốc Khánh Mỹ, tháng 8 là lễ hội ở Nhật...) và nhất là kế hoạch chào tiêu thụ Noel và mừng năm mới. Giai đoạn này hàng chế biến sâu chiếm ưu thế tiêu thụ hơn so với hàng sơ chế hay chế biến cấp thấp. Hàng tinh chế là lợi thế của các doanh nghiệp (DN) tôm chúng ta.

Quý 3 tăng tốc của ngành thủy sản ta nói chung, của con tôm nói riêng. Các DN tôm chắc đều cảm nhận được tình hình và có sự chuẩn bị thấu đáo. Ở đây, xin mở rộng chuyện ứng xử của DN thủy sản chúng ta trước khó khăn chồng chất vừa qua. Cảm nhận cá nhân tôi là DN có ý thức cho sự phát triển lâu dài, thể hiện qua hoạt động có bài bản, có chiến lược... sẽ nhanh chóng vượt qua khó khăn so với các DN chỉ lo toan hoạt động trong ngắn hạn. Thí dụ như bây giờ yêu cầu các DN thực thi bộ tiêu chí môi trường – xã hội – quản trị (ESG), các DN có tính toán từ xa sẽ dễ hòa nhập và thực hiện. Qua đó thu hút, thuyết phục được các hệ thống tiêu thụ, nhất là hệ thống cao cấp, sẽ có nhiều khách hàng tốt. Từ đó, cho thấy qua khó khăn hôm nay, các DN thủy sản có nhiều việc cần phải quan tâm, hoàn thiện mình theo xu thế; không thể còn tư tưởng béc bối cản dài như một thời đã diễn ra trước kia. Tất cả các DN đều trên đường đua trường kỳ, mọi thành viên tham gia phải tính toán bền vững, phải có sự chuẩn bị mọi mặt cần thiết.

Góc nhìn nữa là qua khó khăn đang diễn ra, tồn đọng là giá thành tôm ta cao quá. Qua đó mới thấy sự liên kết trong chuỗi ngành hàng để nhằm giảm giá thành là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, sự liên kết này cần thực chất mới có hiệu quả. Nếu liên kết hình thức thì chỉ tốn công. Liên kết thực chất là biết chia sẻ giá trị chung tạo ra, cùng tồn tại cùng phát triển. Còn nếu mất xích nào đó, trên nền tảng ưu thế của mình, chiếm phần lớn lợi ích từ giá trị chung tạo ra sẽ khiến có mất xích khác rơi vào khó khăn, chuỗi ngành hàng sẽ khó đi lên. Và lớn hơn nữa, về mặt quản lý nhà nước, ngành tôm phải có sự xem xét, chỉnh sửa, bổ sung phương hướng, chiến lược, giải pháp... nhằm hoàn thiện mình hơn theo chiều sâu thì mới có thể tăng sức cạnh tranh và tồn tại lâu bền.

Quý 3, đã khởi động rồi và các DN thủy sản trên đã tăng tốc. Hy vọng sẽ bù đắp phần nào hụt hẫng thời gian qua về doanh số tiêu thụ. Tuy nhiên, doanh số tiêu thụ tăng chỉ là một tín hiệu tốt nhưng chưa hẳn bền vững. Cái quan tâm hơn cả, làm sao thuyết phục được người nuôi tôm an tâm thả giống nuôi tới đây. Một bài toán quá khó, đòi hỏi thời gian cũng như sự chung tay của cả chuỗi ngành hàng, trong đó không thể thiếu vai trò hỗ trợ và quản lý nhà nước. Người nuôi tôm lại không thể chờ đợi, bởi sẽ sống bằng gì, cho nên cái khó ngành tôm sẽ không chỉ là nhất thời.



ngành hàng, trong đó không thể thiếu vai trò hỗ trợ và quản lý nhà nước. Người nuôi tôm lại không thể chờ đợi, bởi sẽ sống bằng gì, cho nên cái khó ngành tôm sẽ không chỉ là nhất thời.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

## THÔNG TIN CHĂN NUÔI

### \* Giá heo hơi ổn định trên mức 60.000 đồng/kg

Giá heo trong gần 3 tuần đầu tháng 7 tiếp tục vững ở trên mốc 60.000 đồng/kg ở hầu khắp các địa phương trong cả nước. Tính đến ngày 20/7, giá heo hơi tại miền Bắc trong khoảng 63.000 - 65.000 đồng/kg; ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên trong khoảng 59.000 - 63.000 đồng/kg; tại khu vực miền Nam dao động trong khoảng 59.000 - 62.000 đồng/kg.

#### Tham khảo giá heo hơi tại các tỉnh miền Bắc

Địa phương	Giá ngày 11/05 (đồng/kg)	Giá ngày 22/06 (đồng/kg)	Giá ngày 20/07 (đồng/kg)
Bắc Giang	53.000	63.000	65.000
Yên Bái	52.000	61.000	63.000
Lào Cai	52.000	61.000	63.000
Hung Yên	54.000	63.000	65.000
Nam Định	52.000	60.000	63.000
Thái Nguyên	53.000	62.000	63.000
Phú Thọ	53.000	63.000	64.000
Thái Bình	53.000	63.000	63.000
Hà Nam	52.000	60.000	63.000
Vĩnh Phúc	54.000	62.000	64.000
Hà Nội	53.000	62.000	65.000
Ninh Bình	52.000	60.000	63.000
Tuyên Quang	53.000	62.000	64.000

#### Tham khảo giá heo hơi tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên

Địa phương	Giá ngày 11/05 (đồng/kg)	Giá ngày 22/06 (đồng/kg)	Giá ngày 20/07 (đồng/kg)
Thanh Hóa	53.000	62.000	63.000
Nghệ An	52.000	61.000	62.000
Hà Tĩnh	52.000	59.000	62.000
Quảng Bình	53.000	58.000	60.000
Quảng Trị	53.000	60.000	60.000
Thừa Thiên Huế	52.000	58.000	60.000
Quảng Nam	53.000	58.000	60.000
Quảng Ngãi	56.000	58.000	60.000



Bình Định	54.000	59.000	60.000
Khánh Hòa	53.000	58.000	60.000
Lâm Đồng	54.000	60.000	61.000
Đắk Lắk	54.000	58.000	59.000
Ninh Thuận	52.000	58.000	60.000
Bình Thuận	55.000	60.000	61.000

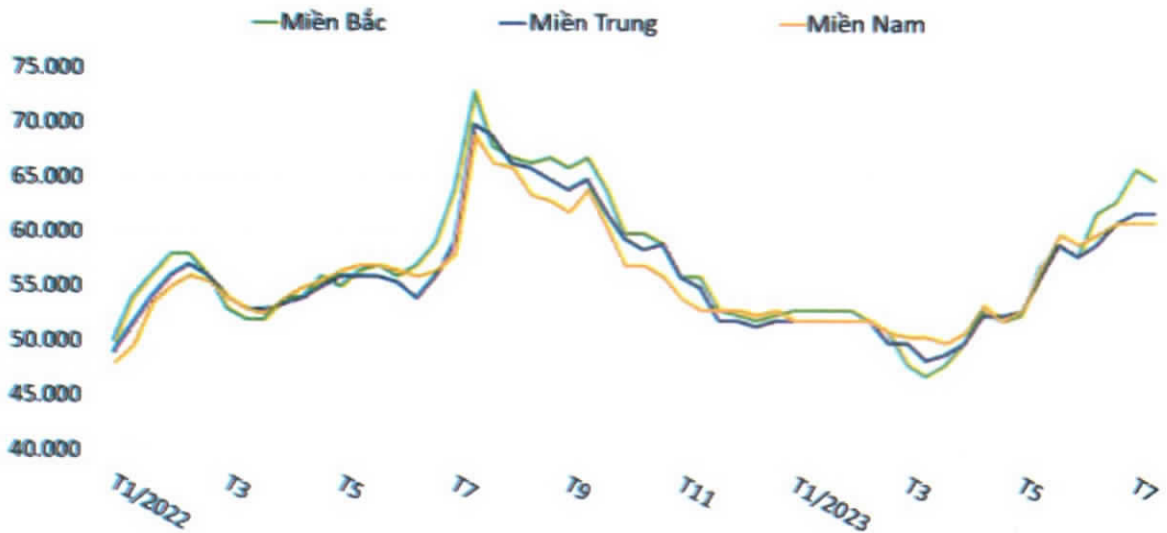
#### Tham khảo giá heo hơi tại các tỉnh miền Nam

Địa phương	Giá ngày 11/05 (đồng/kg)	Giá ngày 22/06 (đồng/kg)	Giá ngày 20/07 (đồng/kg)
Bình Phước	52.000	59.000	60.000
Đồng Nai	55.000	60.000	61.000
TP HCM	52.000	60.000	60.000
Bình Dương	52.000	60.000	61.000
Tây Ninh	53.000	60.000	60.000
Vũng Tàu	54.000	60.000	61.000
Long An	55.000	60.000	61.000
Đồng Tháp	53.000	58.000	62.000
An Giang	52.000	59.000	59.000
Vĩnh Long	53.000	59.000	59.000
Cần Thơ	52.000	59.000	61.000
Kiên Giang	52.000	59.000	61.000
Hậu Giang	53.000	59.000	60.000
Cà Mau	53.000	59.000	60.000
Tiền Giang	53.000	58.000	59.000
Bạc Liêu	53.000	58.000	61.000
Trà Vinh	53.000	59.000	60.000
Bến Tre	54.000	60.000	59.000
Sóc Trăng	53.000	60.000	62.000

#### Nguồn cung thiếu hụt, giá heo sẽ duy trì ở mức cao đến quý I/2024

Như vậy, sau hơn một năm ngưng lặn dưới đáy, giá heo hơi hiện đã có sự chuyển biến rõ rệt, mức trung bình từ đầu tháng 7 đến nay khoảng 62.000 – 65.000 đồng/kg, cá biệt có thời điểm giá heo đã chạm mốc 68.000 đồng/kg, kết quả tốt nhất từ đầu năm đến nay.

So với mức đáy trong tháng 3/2023, hiện giá heo hơi đã cao hơn khoảng 16.000 đồng/kg. So với tháng 7/2022, giai đoạn đỉnh của giá heo, mức giá hiện nay vẫn thấp hơn khoảng 5%. Tuy nhiên các chuyên gia, doanh nghiệp cho rằng chu kỳ tăng giá của thị trường heo nửa năm 2023 sẽ bền vững và ổn định hơn so với năm 2022.

**Giá heo hơi ba miền từ đầu năm 2022 đến ngày 19/7/2023 (đồng/kg)**

Giới chuyên gia trong ngành nhận định sóng heo rút giá từ quý III/2022 đến tháng 5/2023 là một chu kỳ diễn ra lâu nhất từ trước đến nay khiến nông hộ và trang trại nhỏ lẻ không đủ sức gồng lỗ.

Cùng với đó, dịch tả heo châu Phi vẫn hoành hành ở nhiều địa phương, người chăn nuôi bỏ chuồng, không tái đàn khiến tổng đàn heo trong nước giảm mạnh. Theo khảo sát của công ty cổ phần nông nghiệp BaF, tổng đàn heo dự kiến giảm khoảng 20-25% so với số liệu cuối năm 2022, tức còn khoảng 21,5-23 triệu con.

Thị trường thịt heo đang rơi vào tình trạng nguồn cung giảm mạnh, điều này là yếu tố hỗ trợ giá. Giá heo hơi đang tăng mạnh gần đây và dự báo sẽ tăng tiếp đến hết năm nay, thậm chí đến quý I/2024, giá vẫn rất tốt. Đây là điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp tục sản xuất, kinh doanh, nông dân có động lực tái đàn sau thời gian dài thua lỗ.

Ông Trương Sỹ Bá, Chủ tịch HĐQT CTCP Nông nghiệp BaF dự báo trong vài tháng tới, giá heo sẽ nằm quanh mức đỉnh 70.000 đồng/kg sau đó đi ngang. Nếu tình hình tái đàn khả quan, sớm có thể quý IV/2023 hoặc quý I/2024 giá heo sẽ đảo chiều, song vẫn ở quanh mức 60.000 đồng/kg.

Còn theo quan điểm của ông Nguyễn Văn Trọng, Nguyên Phó Cục trưởng Cục Chăn nuôi, giá heo hơi lên đến 70.000 đồng/kg cũng là điều hợp lý bởi tổng đàn hiện khoảng 26 triệu con theo số liệu báo cáo của Tổng cục Thống kê, thực tế có thể giảm sâu hơn.

Vị chuyên gia này dự báo trong ngắn hạn, khoảng nửa cuối tháng 8 và nửa đầu tháng 9 (tháng 7 Âm lịch – tháng Ngâu) giá heo có thể có một nhịp điều chỉnh giảm nhẹ do theo phong tục của người Việt Nam kiêng tổ chức các đám lễ, sự kiện quan trọng vào tháng cô hồn. Cơ bản từ nay đến cuối năm, giá heo sẽ duy trì ở mức cao, dao động trong khoảng 65.000 – 70.000 đồng/kg do nguồn cung chưa thể đáp ứng kịp thời, thời gian tái đàn cần khoảng 6-8 tháng với heo thịt.

#### **Doanh nghiệp nỗ lực tái đàn, chớp thời cơ cải thiện biên lợi nhuận**

Ở thời điểm nguồn cung thiếu hụt, giá heo hơi bước vào chu kỳ tăng, những người trụ lại cuối cùng trong cuộc chơi này sẽ hưởng lợi. Đặc biệt khi giá nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi đang có xu hướng hạ nhiệt, điều này càng củng cố biên lợi nhuận cho những doanh nghiệp chăn nuôi theo chuỗi.

Ông Nguyễn Văn Trọng cho biết trong bối cảnh nhu cầu tiêu thụ khởi sắc nhờ mùa cao điểm du lịch, nông dân và trang trại nhỏ không có hàng bán ra thị trường, nguồn cung chủ yếu đến từ các



doanh nghiệp lớn, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có khả năng duy trì tổng đàn. Điển hình như Tập đoàn C.P. Việt Nam, mỗi ngày vẫn đưa ra thị trường khoảng 15.000 – 17.000 con heo.

Một số công ty chăn nuôi trong nước như Dabaco, Nông nghiệp BaF cũng hưởng lợi từ chu kỳ tăng này của giá heo.

Báo cáo ngành chăn nuôi của Công ty Chứng khoán Vietcombank (VCBS) cho biết Nông nghiệp BaF đang nỗ lực mở rộng quy mô trang trại nuôi heo để chuẩn bị chuyển dịch kinh doanh từ thương mại các mặt hàng nông sản sang mảng 3F (Feed – Farm – Food).

Trong năm 2023, BaF sẽ xây dựng thêm 19 trang trại mới với quy mô tối đa 5.000 heo nái và 60.000 heo thịt cho mỗi trang trại. Cho tới hết quý I đã có 10 trang trại được khởi công xây dựng.

Ngoài ra, BaF cũng xây dựng thêm các nhà máy cám để đảm bảo tự chủ nguồn thức ăn chăn nuôi. Hiện, BaF đang sở hữu ba nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi với tổng công suất lên tới 440.000 tấn/năm, tự chủ 100% nguồn thức ăn đầu vào cho trang trại.

VCBS nhận định việc mở rộng quy mô dự báo sẽ giúp BaF nâng sản lượng thức ăn chăn nuôi năm 2023 lên 392%, sản lượng con giống lên 104%. Doanh thu mảng chăn nuôi dự kiến sẽ đem về cho BaF 4.617 tỷ đồng trong năm 2023, tăng 236% so với cùng kỳ năm 2022, lợi nhuận thuần tương ứng khoảng 358 tỷ đồng.

Bộ phận phân tích cũng dự phòng biên lợi nhuận mảng 3F của công ty chăn nuôi này sẽ duy trì trong khoảng 8 – 10% giai đoạn 2023 – 2029.

Một ông lớn khác là Dabaco cũng đang nỗ lực tái đàn với kỳ vọng bắt kịp thời cơ khi giá heo hơi ở mức cao.

Số liệu của VCBS cho biết tính đến giữa tháng 4, tổng đàn heo của Dabaco đạt 120.000 con, giảm 25% so với cùng kỳ năm trước. Dabaco đang tái đàn trở lại bằng việc đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng vào trang trại mới ở Thanh Hóa để nuôi 5.000 heo bố mẹ và 1.200 heo ông bà.

Đến tháng 7, doanh nghiệp sẽ tiếp tục nhập thêm 6.000 heo bố mẹ và nhập tiếp 6.000 heo ông bà vào cuối năm. Dự kiến đàn heo sẽ cho ra doanh thu khoảng 3.488 tỷ đồng vào cuối năm 2023.

Ông Nguyễn Văn Trọng cho biết đối với các doanh nghiệp chăn nuôi theo chuỗi, giá thành nuôi heo khoảng 52.000 – 55.000 đồng/kg, do vậy từ nay đến cuối năm các doanh nghiệp sẽ là đối tượng hưởng lợi nhiều hơn.



(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)



## THÔNG TIN LÚA GẠO

### \* Tổng quan thị trường lúa gạo

#### Giá lúa gạo vững ở mức cao, triển vọng tích cực

Tính đến ngày 14/7, giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long điều chỉnh tăng từ 50 – 500 đồng/kg. Theo đó, giá lúa Hè thu tăng 100 đồng/kg, trong khi giá gạo tăng từ 50 – 500 đồng/kg.

Cụ thể, tại kho An Giang, giá lúa IR 504 đang được thương lái thu mua ở mức 6.600 – 6.800 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg.

Với các chủng loại lúa còn lại, giá ổn định. Hiện lúa Đài thơm 8 dao động quanh mức 6.900 – 7.100 đồng/kg; lúa OM 5451 dao động 6.400 - 6.600 đồng/kg; lúa OM 18 giá 6.600 - 6.800 đồng/kg; Nàng Hoa 9 giá 6.600 - 6.800 đồng/kg; lúa Nhật cũng ổn định ở mức 7.800 - 8.000 đồng/kg; lúa Nàng Nhen (khô) ở mức 13.000 đồng/kg.

Với lúa nếp, nếp An Giang (tươi) đang được thương lái thu mua ở mức 5.800 – 6.000 đồng/kg; nếp Long An (tươi) dao động trong khoảng 6.300 - 6.400 đồng/kg; nếp AG (khô) ở mức 7.400 - 7.600 đồng/kg; nếp Long An (khô) có giá 7.700 - 7.900 đồng/kg.

Với mặt hàng gạo, giá gạo nguyên liệu, thành phẩm tăng trở lại sau phiên điều chỉnh giảm. Cụ thể, giá gạo nguyên liệu IR 504 đang được thu mua ở mức 10.000 – 10.050, tăng 100 đồng/kg; giá gạo thành phẩm ở mức 11.350 - 11.400 đồng/kg, tăng 50 đồng/kg.

Đối với phụ phẩm, giá tấm IR 504 ở mức 9.600 - 9.700 đồng/kg; cám khô 7.400 – 7.500 đồng/kg, giảm 50 đồng/kg.

Theo các thương lái, hiện nay lượng gạo về ổn định, giá gạo bình ổn, nhu cầu mua nhiều. Giao dịch lúa mới chững, các thương lái mua chậm lại. Nhu cầu mua gạo nhiều, giá gạo bật tăng trở lại.

Tại các chợ lẻ, giá gạo thường điều chỉnh tăng 500 đồng/kg lên mức 11.500 – 12.500 đồng/kg.

Các loại gạo còn lại giá duy trì ổn định. Cụ thể nếp ruột vẫn ổn định ở mức 14.000 - 16.000 đồng/kg. Gạo Nàng Nhen có giá 22.000 đồng/kg. Gạo thơm Thái hạt dài duy trì 18.000 - 19.000 đồng/kg; Gạo thơm Jasmine giá 15.000 - 16.000 đồng/kg.

Gạo Hương Lài giá 19.000 đồng/kg; Gạo trắng thông dụng giá 14.500 đồng/kg; Gạo Nàng Hoa giá 18.500 đồng/kg; Gạo Sóc thường dao động 14.000 - 15.000 đồng/kg.

Gạo Sóc Thái giá ổn định 18.000; Gạo thơm Đài Loan có giá là 20.000 đồng/kg; Gạo Nhật giá 22.000 đồng/kg và cám duy trì mức 8.500 - 9.000 đồng/kg.

Trên thị trường xuất khẩu, giá gạo xuất khẩu Việt Nam ngày 14/7 chào bán duy trì ổn định. Cụ thể, gạo 5% tấm giao dịch ở mức 513 USD/tấn; gạo 25% tấm ở mức 493 USD/tấn và gạo Jasmine ổn định 578 USD/tấn.

Mới đây, Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới đang xem xét cấm xuất khẩu với hầu hết các mặt hàng gạo. Theo đó, chính phủ Ấn Độ đang thảo luận về kế hoạch cấm xuất khẩu tất cả các loại gạo ngoại trừ basmati. Được biết, lệnh cấm này sẽ ảnh hưởng đến khoảng 80% lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ. Mặc dù động thái này có thể làm giảm giá trong nước, nhưng có nguy cơ đẩy chi phí toàn cầu vốn đã đi lên cao hơn nữa.

Thông tin Ấn Độ cấm xuất khẩu gạo khiến giá gạo tiếp tục được đẩy lên cao. Ngày 12/7, giá gạo Thái Lan đã điều chỉnh tăng 4 – 5 USD/tấn lên mức 515 USD/tấn với gạo 5% tấm, 483 USD/tấn với gạo 25% tấm, 435 USD/tấn với gạo 100% tấm.

Nhiều doanh nghiệp dự báo, giá gạo của Việt Nam có thể neo ở mức cao nhờ nhu cầu từ các thị trường và thông tin cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ. 6 tháng năm 2023, lượng gạo xuất khẩu của cả nước đạt gần 4,24 triệu tấn, tương đương gần 2,26 tỷ USD, tăng 21,3% về khối lượng, tăng 32,2% về kim ngạch so với 6 tháng năm 2022, giá trung bình đạt 532,6 USD/tấn, tăng 9%.

#### Ấn Độ có thể cấm xuất khẩu hầu hết các loại gạo

Hãng tin Bloomberg ngày 13/7 đưa tin Chính phủ Ấn Độ đang xem xét cấm xuất khẩu hầu hết các loại gạo sau khi lạm phát giá lương thực tại nước này tăng mạnh.

Bài viết của Bloomberg cho biết, chính phủ do Thủ tướng Narendra Modi lãnh đạo hiện đang thảo luận về kế hoạch cấm xuất khẩu tất cả các loại gạo không phải Basmati. Các nhà chức trách Ấn Độ muốn tránh nguy cơ lạm phát leo thang trước cuộc bầu cử.

Kế hoạch trên của Ấn Độ được đưa ra trong bối cảnh lạm phát giá tiêu dùng tăng nhanh vào tháng 6, chủ yếu là do giá lương thực cao hơn. Lượng mưa phân bố không đều tại các vùng trồng lúa trọng điểm của Ấn Độ đã đẩy giá loại ngũ cốc này tăng tới 20% trong 10 ngày qua.

Nếu thành hiện thực, động thái của Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới - có thể đẩy giá lương thực toàn cầu lên cao hơn nữa, trong bối cảnh hiện tượng El Nino quay trở lại và đe dọa tới mùa màng.

Lệnh cấm có thể ảnh hưởng đến khoảng 80% lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ. Tuy động thái đó có thể giúp giảm giá gạo ở quốc gia Nam Á này, nhưng lại tác động tiêu cực đến giá lương thực toàn cầu.



Ấn Độ chiếm hơn 40% xuất khẩu gạo thế giới. Nhưng lượng tồn kho thấp trên toàn cầu đồng nghĩa việc Ấn Độ cắt giảm xuất khẩu gạo sẽ làm tăng giá lương thực thế giới - vốn đã lên cao sau xung đột Nga - Ukraine (U-crai-na) vào năm trước và tình hình thời tiết thất thường.

Ông B.V. Krishna Rao, Chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Ấn Độ (REA), cho hay khi giá gạo Ấn Độ tăng nhờ chính sách giá hỗ trợ tối thiểu mới, các nhà cung cấp khác cũng bắt đầu tăng giá. Ông nhắc rằng gạo là lương thực chính của hơn 3 tỷ người trên thế giới, trong khi gần 90% diện tích trồng loại lương thực tiêu tốn nhiều nước này đặt tại châu Á - nơi kiểu thời tiết El Nino thường khiến lượng mưa giảm sút.

Năm trước, Ấn Độ đã cấm xuất khẩu tấm và áp thuế 20% đối với các loại gạo trắng và gạo lứt xuất khẩu sau khi xung đột Nga - Ukraine bùng phát khiến giá các mặt hàng lương thực như lúa mì và bắp tăng vọt. Nước này cũng đã hạn chế xuất khẩu lúa mì và đường.

Giá gạo tại châu Á đã tăng lên mức cao nhất trong hơn hai năm do các nhà nhập khẩu tăng cường dự trữ gạo, chủ yếu do lo ngại hiện tượng El Nino sẽ gây khô hạn và thiệt hại mùa màng.

### **Cơ hội cho gạo Việt Nam**

Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn thứ ba thế giới, sau Ấn Độ và Thái Lan, với 7,8% giao dịch thương mại toàn cầu; và là nước xuất khẩu lớn nhất sang Philippines. Giá gạo Ấn Độ đang có vị thế cạnh tranh yếu hơn do chịu mức thuế cao hơn, từ đó thúc đẩy người mua chuyển sang gạo của Thái Lan và Việt Nam.

Nhu cầu nhập khẩu tại thị trường cũ như Philippines, Trung Quốc và Malaysia đều tăng mạnh. Cùng với đó, gạo xuất khẩu sang các thị trường mới như Indonesia, một vài quốc gia châu Phi tăng đột biến. Ngoài ra, gạo thơm Việt Nam thực hiện xúc tiến thương mại thêm tại các thị trường ngách và ngày càng có vị thế riêng.

Một thương nhân kinh doanh gạo tại Bangkok (Thái Lan) cho biết giá gạo xuất khẩu tăng là do nhu cầu nhập khẩu của các nước khu vực châu Á và châu Phi đang tăng lên trong bối cảnh nguồn cung gạo từ Ấn Độ bị hạn chế.

Giá gạo xuất khẩu khu vực châu Á nói chung, của Việt Nam nói riêng neo ở mức cao kỷ lục đang tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong chuỗi giá trị ngành gạo Việt Nam bứt phá.

Trong số các doanh nghiệp ngành gạo, Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An có thể là những doanh nghiệp hưởng lợi tốt nhất khi thị trường gạo xuất khẩu ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực.

### **Xuất khẩu gạo 6 tháng năm 2023 tăng trưởng tốt**

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 6/2023 cả nước xuất khẩu 617.998 tấn gạo, tương đương 340,77 triệu USD, giá trung bình 551,4 USD/tấn, giảm 14,7% về lượng và giảm 12,8% về kim ngạch nhưng tăng nhẹ 2,3% về giá so với tháng 5/2023; so với tháng 6/2022 cũng giảm 14,9% về lượng, giảm 3,9% kim ngạch nhưng tăng 13% về giá.

Trong tháng 6/2023 xuất khẩu gạo sang thị trường chủ đạo Philippines tiếp tục giảm mạnh 32,3% về lượng và giảm 31,9% về kim ngạch nhưng tăng nhẹ 0,6% về giá so với tháng 5/2023, đạt 166.421 tấn, tương đương 85,28 triệu USD, giá 512,5 USD/tấn; và cũng giảm mạnh 53,2% về lượng, giảm 49,9% kim ngạch, nhưng tăng 7,2% về giá so với tháng 6/2022. Xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc tháng 6/2023 cũng giảm mạnh 64,3% về lượng và giảm 63,2% kim ngạch so với tháng 5/2023, đạt 44.918 tấn, tương đương 26,47 triệu USD; so với tháng 6/2022 cũng giảm 10,4% về lượng, nhưng tăng 6,1% kim ngạch.

Tính chung cả 6 tháng năm 2023 lượng gạo xuất khẩu của cả nước đạt gần 4,24 triệu tấn, tương đương gần 2,26 tỷ USD, tăng 21,3% về khối lượng, tăng 32,2% về kim ngạch so với 6 tháng năm 2022, giá trung bình đạt 532,6 USD/tấn, tăng 9%.

Philippines vẫn đứng đầu về tiêu thụ gạo của Việt Nam, chiếm 40% trong tổng lượng và chiếm 38% trong tổng kim ngạch gạo xuất khẩu của cả nước, đạt gần 1,7 triệu tấn, tương đương 857,68 triệu USD, giá trung bình 504,9 USD/tấn, tăng 4,6% về lượng, tăng 13% về kim ngạch và tăng 8,1% về giá so với 6 tháng năm 2022.

Tiếp sau đó là thị trường Trung Quốc chiếm 16% trong tổng lượng và chiếm 17,3% trong tổng kim ngạch, đạt 677.387 tấn, tương đương 390,62 triệu USD, giá trung bình 576,7 USD/tấn, tăng mạnh 54,4% về lượng và tăng 71,2% kim ngạch; giá tăng 10,8% so với 6 tháng năm 2022.

Thị trường Indonesia đứng thứ 3 đạt 492.801 tấn, tương đương 244,06 triệu USD, giá 495,3 USD/tấn, tăng mạnh 1.388% về lượng, tăng 1.404% kim ngạch và tăng nhẹ 1,1% về giá so với 6 tháng năm 2022, chiếm 11,6% trong tổng lượng và chiếm 10,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước.

Xuất khẩu sang các thị trường FTA RCEP đạt 3,14 triệu tấn, tương đương 1,63 tỷ USD, tăng 32,7% về lượng, tăng 43,7% kim ngạch. Xuất khẩu sang các thị trường FTA CPTTP đạt 280.588 tấn, tương đương 145,75 triệu USD, tăng 3% về lượng, tăng 8,7% kim ngạch. Xuất khẩu sang thị trường Đông Nam Á đạt 2,45 triệu tấn, tương đương 1,23 tỷ USD, tăng 28,3% về lượng, tăng 37,8% kim ngạch.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)



## THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

### \* Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo

Trong tháng 6/2023, giá các chủng loại nguyên liệu chính sản xuất thức ăn chăn nuôi trên thị trường thế giới đều có xu hướng giảm do triển vọng nguồn cung dồi dào. Trong nước, giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm dần ổn định sau khi có đợt điều chỉnh giảm từ cuối tháng 4 và tháng 5/2023. Dự báo giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm trong nước thời gian tới sẽ tiếp tục chịu tác động từ xu thế giảm của thị trường thế giới.

#### - Thị trường thế giới

##### - Diễn biến giá cả:

Trong tháng 6/2023, giá bắp tại các thị trường xuất khẩu chính trên thế giới giảm so với tháng 5/2023 do kỳ vọng về nguồn cung bắp dồi dào ở Brazil đã gây áp lực lên giá trên toàn cầu. Giá bắp Mỹ giảm 16 USD/tấn xuống còn 274 USD/tấn; giá bắp Brazil giảm 38 USD/tấn xuống còn 246 USD/tấn; giá bắp Argentina giảm mạnh 40 USD/tấn xuống còn 256 USD/tấn do nhu cầu yếu; giá bắp của Ukraina giảm 18 USD/tấn xuống còn 255 USD/tấn.

Giá lúa mì thế giới tháng 6/2023 giảm so với tháng 5/2023 ở hầu hết các nước xuất khẩu lớn. Cụ thể, lúa mì Úc giảm 24 USD/tấn xuống 305 USD/tấn; giá lúa mì Mỹ giảm 13 USD/tấn xuống 373 USD/tấn do nhu cầu xuất khẩu giảm; giá lúa mì Nga giảm 15 USD/tấn xuống 260 USD/tấn; giá lúa mì Canada giảm 12 USD/tấn xuống 332 USD/tấn; lúa mì EU giảm 21 USD/tấn xuống 264 USD/tấn

Giá đậu tương thế giới trong tháng 6/2023 cũng giảm so với tháng 5/2023 do chịu áp lực bởi thời tiết vụ mùa thuận lợi ở Trung Tây nước Mỹ và cạnh tranh mạnh mẽ đối với hoạt động kinh doanh xuất khẩu toàn cầu. Giá trung bình trong tháng này là 13,2 USD/bushel, giảm 1,8 USD/bushel so với tháng trước.

##### - Diễn biến cung cầu:

##### + Đậu tương

Theo báo cáo mới nhất của USDA dự báo triển vọng đậu tương toàn cầu niên vụ 2023/2024 bao gồm sản lượng, lượng nghiền và tồn kho cuối kỳ cao hơn so với năm trước. Sản lượng đậu tương toàn cầu niên vụ 2023/2024 dự kiến tăng 20,7 triệu tấn lên 542,5 triệu tấn, chủ yếu tăng ở Argentina, Trung Quốc, Brazil và Mỹ.

Thương mại đậu tương toàn cầu niên vụ 2023/2024 dự báo tăng 4 triệu tấn lên 172,4 triệu tấn, chủ yếu do nhu cầu của Trung Quốc tăng và nhu cầu nhập khẩu tăng cao hơn tại Pakistan, Ai Cập và Bangladesh.

Dự trữ đậu tương toàn cầu cuối niên vụ 2023/2024 ước tính tăng 21,5 triệu tấn lên 122,5 triệu tấn, với phần lớn mức tăng ở Brazil, Argentina, Mỹ và Trung Quốc. Số liệu tồn kho cuối vụ bao gồm tồn kho giữa mùa của Brazil và Argentina và phản ánh nguồn cung ngày càng tăng đến mùa xuất khẩu năm 2024 của Mỹ.

##### + Bắp

USDA dự báo sản lượng, thương mại, tiêu thụ và tồn kho cuối kỳ bắp toàn cầu niên vụ 2023/2024 tăng trưởng mạnh. Sản xuất dự kiến sẽ phục hồi với vụ mùa lớn hơn ở Mỹ, Liên minh châu Âu và Argentina, ngược lại giảm ở Ukraine. Sản lượng bắp của Brazil dự kiến sẽ giảm nhẹ so với mức cao kỷ lục của niên vụ 2022/2023.

Niên vụ 2023/2024, tiêu thụ bắp toàn cầu cũng được dự báo tăng với kỳ vọng giá bắp giảm sẽ khuyến khích nhu cầu bắp trên toàn thế giới, chủ yếu để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi. Tồn kho cuối năm được dự báo tăng, gần như hoàn toàn là do dự trữ tại Mỹ tăng lên.

##### + Lúa mì

Báo cáo tháng 5/2023 của USDA dự báo sản lượng lúa mì toàn cầu niên vụ 2023/2024 đạt 789,8 triệu tấn, tăng 1,5 triệu tấn so với niên vụ trước. Vụ mùa lớn hơn ở một số quốc gia, bao gồm Argentina,



Canada, Trung Quốc, EU và Ấn Độ được bù đắp một phần bởi sự sụt giảm đáng kể ở Úc, Nga, Ukraine và Kazakhstan.

Thương mại toàn cầu được dự báo sẽ tăng với xuất khẩu tăng từ Úc, Canada, Ukraine và Vương quốc Anh, trong khi đó xuất khẩu giảm ở Brazil, EU, Kazakhstan và Nga.

USDA dự báo tiêu thụ lúa mì toàn cầu niên vụ 2023/2024 đạt 789,5 triệu tấn, tăng 2,9 triệu tấn so với năm trước. Nhập khẩu lúa mì toàn cầu được dự báo giảm nhẹ với nhập khẩu giảm trên khắp Đông Á và Châu Âu.

### **Thị trường trong nước:**

#### **- Diễn biến giá cả:**

Đến cuối tháng 6/2023 hầu hết giá các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi quan trọng như bắp, khô đậu tương, lúa mì đều giảm từ 15-30% so giai đoạn đầu năm nay. Đây là tín hiệu đáng mừng đối với ngành chăn nuôi vốn phụ thuộc vào nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu của nước ta, đặc biệt là sau 2 năm các doanh nghiệp và hộ chăn nuôi gồng lỗ do cả chi phí đầu vào lẫn sức ép đầu ra. Cụ thể như sau:

Giá khô đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 15.500 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 15.850 đ/kg; Giá bắp Nam Mỹ đạt mức 9.800 đ/kg, giảm từ 500 - 650 đ/kg, tùy chủng loại.

Diện tích lẫn năng suất sản tại Sơn La và một số tỉnh miền núi phía Bắc có thể giảm, khiến sản lượng giảm khoảng 30% so với vụ trước. Trong tháng 6/2023, giá sản tươi và sản lát tại miền Bắc, miền Trung và Đắc Lắc tăng nhẹ so với cuối tháng 5/2023, giá tại Tây Ninh, Gia Lai ổn định, dao động từ 2.950 - 3.700 đ/kg, tùy khu vực.

Giá cám gạo trong tháng 6/2023 tăng từ 200 - 500 đ/kg do nhu cầu tiêu thụ tăng. Giá cám gạo tại Đồng Tháp là 8.400 - 8.700 đ/kg; tại Kiên Giang là 8.500 đ/kg; tại An Giang là 8.500 - 9.000 đ/kg; tại Bình Phước là 8.800 đ/kg; tại Hà Nội là 8.900 đ/kg.

Trong tháng 6/2023, giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm trong nước ổn định sau khi có đợt điều chỉnh giảm từ cuối tháng 4 và tháng 5/2023. Trong đó, thức ăn đậm đặc dành cho heo con, có giá từ 15.100 - 16.200 đ/kg; Thức ăn đậm đặc Proconco loại cho gà thịt là 15.600 đ/kg; cám cho gà con là 12.250 - 14.550 đ/kg; cám cho gà thịt từ 10.900 - 13.800 đ/kg; cám cho gà đẻ là 12.000 - 13.600 đ/kg; thức ăn hỗn hợp Proconco loại cho heo từ 30 kg đến xuất chuồng là 12.350 - 14.650 đ/kg; cám cho heo nhỡ từ 15 kg - 30 kg có giá 12.400 - 14.700 đ/kg; cám cho heo từ 30 kg - xuất chuồng là 12.500 - 14.500 đ/kg.

**Giá thức ăn chăn nuôi trong nước đang chịu tác động từ xu hướng giảm của thị trường thế giới. Dự báo, do giá nguyên liệu trên thị trường thế giới biến động liên tục nên giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm trong nước sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng trong thời gian tới.**

#### **- Tình hình nhập khẩu:**

##### **+ Kim ngạch nhập khẩu**

Trong hai tuần đầu tháng 6/2023, kim ngạch nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu đạt 276,5 triệu USD. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 6/2023, kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này đạt 2.208 tỷ USD.

Trước đó, theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng thức ăn gia súc và nguyên liệu tháng 5/2023 tăng 6,8% so với tháng 4/2023 nhưng giảm 34,7% so với tháng 5/2022, đạt 395,01 triệu USD. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023 nhập khẩu nhóm hàng này đạt trên 1,93 tỷ USD, giảm 5,4% so với 5 tháng đầu năm 2022.

##### **+ Thị trường nhập khẩu**

Trong 5 tháng đầu năm 2023, Việt Nam nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu nhiều nhất từ thị trường Argentina, chiếm 24,8% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt trên 478,96 triệu USD, giảm 12,9% so với 5 tháng đầu năm 2022; trong đó riêng tháng 5/2023 đạt 82,83 triệu USD, tăng mạnh 118,4% so với tháng 4/2023 nhưng giảm 50,8% so với tháng 5/2022.

Đứng thứ 2 là thị trường Ấn Độ chiếm tỷ trọng 17,4%, đạt 336,6 triệu USD, tăng mạnh 210,8% so với cùng kỳ năm 2022; riêng tháng 5/2023 nhập khẩu từ thị trường này đạt trên 55,34 triệu USD, giảm 30,4% so với tháng 4/2023 nhưng tăng mạnh 111,4% so với tháng 5/2022.



Tiếp đến thị trường Mỹ trong tháng 5/2023 nhập khẩu giảm 25% so với tháng 4/2023 và giảm 50,9% so với tháng 5/2022, đạt gần 47,06 triệu USD; cộng chung cả 5 tháng đầu năm 2023 nhập khẩu từ thị trường này tăng nhẹ 1% so với 5 tháng đầu năm 2022; đạt 280,9 triệu USD, chiếm 14,5% trong tổng kim ngạch.

+ *Chủng loại nhập khẩu*

\* *Bắp*

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu bắp các loại trong tháng 5/2023 đạt 398.603 tấn, trị giá 131,31 triệu USD, giá trung bình 329,4 USD/tấn, giảm 35,9% về lượng và giảm 38% kim ngạch so với tháng 4/2023, giá giảm 3,4%; so với tháng 5/2022 cũng giảm mạnh 61,1% về lượng, giảm 65,9% về kim ngạch và giảm 12,4% về giá.

Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023 đạt gần 3,21 triệu tấn, trị giá trên 1,08 tỷ USD, giá trung bình 336,7 USD/tấn, giảm 10,8% về lượng, giảm 12,8% kim ngạch và tăng 2,1% về giá so với 5 tháng đầu năm 2022.

Brazil là thị trường chủ đạo cung cấp bắp cho Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2023, chiếm trên 43% trong tổng lượng và chiếm 42,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu bắp của cả nước, đạt 1,38 triệu tấn, trị giá gần 459,87 triệu USD, giá 333,4 USD/tấn, tăng mạnh 325,7% về lượng, tăng 341% kim ngạch và tăng 3,6% về giá so với 5 tháng đầu năm 2022; riêng tháng 5/2023 đạt 26.692 tấn, trị giá 7,8 triệu USD, giá 292 USD/tấn, giảm mạnh 80,8% về lượng và giảm 83,6% kim ngạch so với tháng 4/2023, và giá giảm 14%.

\* *Lúa mì*

Trong tháng 5/2023 cả nước nhập khẩu 378.811 tấn lúa mì, trị giá 148,23 triệu USD, giá trung bình 391,3 USD/tấn, giảm gần 14,1% về lượng và giảm 7,1% kim ngạch so với tháng 4/2023, nhưng giá tăng 8,2%. So với tháng 5/2022 thì giảm 2,8% về lượng, nhưng tăng 0,5% kim ngạch và tăng 3,4% giá.

Tính chung trong 5 tháng năm 2023 lượng lúa mì nhập khẩu của cả nước đạt trên 2,03 triệu tấn, trị giá trên 752,47 triệu USD, tăng 4,8% về khối lượng, tăng 4,5% về kim ngạch so với 5 tháng đầu năm 2022, giá trung bình đạt 370 USD/tấn, giảm nhẹ 0,3%.

Trong tháng 5/2023 nhập khẩu lúa mì từ thị trường chủ đạo Australia giảm 10,1% về lượng, nhưng tăng 0,8% kim ngạch và tăng 12,2% về giá so với tháng 4/2023, đạt 273.193 tấn, trị giá 107,11 triệu USD, giá 392 USD/tấn; so với tháng 5/2022 thì giảm 6,2% về lượng giảm 2% kim ngạch nhưng tăng 4,5% về giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu lúa mì từ thị trường Australia, chiếm gần 68,4% trong tổng lượng và chiếm 67% trong tổng kim ngạch nhập khẩu lúa mì của cả nước, đạt trên 1,39 triệu tấn, trị giá 504,17 triệu USD, giá trung bình 362,3 USD/tấn, tăng 12,4% về lượng, tăng 9,1% về kim ngạch nhưng giảm 2,9% về giá so với 5 tháng đầu năm 2022.

\* *Đậu tương*

Nhập khẩu đậu tương trong tháng 5/2023 đạt 140.895 tấn, trị giá 86,39 triệu USD, giá trung bình 613 USD/tấn, giảm 40,8% về lượng và giảm 44,3% kim ngạch so với tháng 4/2023, giá giảm 5,8%; so với tháng 5/2022 giảm 25,9% về lượng, giảm 37,9% về kim ngạch và giảm 16,2% về giá.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023 cả nước nhập khẩu 877.686 tấn đậu tương, trị giá gần 587,98 triệu USD, giá trung bình 669,9 USD/tấn, giảm 4% về lượng, giảm 5% kim ngạch và giảm 0,9% về giá so với 5 tháng đầu năm 2022.

Đậu tương nhập khẩu về Việt Nam từ thị trường Mỹ nhiều nhất, trong tháng 5/2023 giảm 4,8% về lượng và giảm 8,7% về kim ngạch so với tháng 4/2023, giá giảm 4,1%, đạt 55.684 tấn, trị giá 35,81 triệu USD, giá 643 USD/tấn; Tính chung, 5 tháng đầu năm 2023 nhập khẩu đậu tương từ thị trường này đạt 444.031 tấn, trị giá 305,46 triệu USD, chiếm trên 50,6% trong tổng lượng và chiếm 52% trong tổng kim ngạch nhập khẩu đậu tương của cả nước.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)



## THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

### \* Việt Nam tiếp tục triển khai mạnh các giải pháp xúc tiến thương mại

Con số kim ngạch xuất khẩu khởi sắc của tháng 6 cho thấy các giải pháp xúc tiến thương mại đã mang lại hiệu quả nhất định. Thời gian tới, đề nâng cao hơn nữa hiệu quả xuất nhập khẩu. Bộ Công Thương xác định sẽ tập trung triển khai một số nhiệm vụ như đẩy mạnh đổi mới và tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại hướng đến các thị trường mới, thị trường còn tiềm năng như Ấn Độ, châu Phi, Trung Đông và châu Mỹ La tinh, Đông Âu... và các thị trường ít bị ảnh hưởng bởi lạm phát và tăng trưởng khả quan (ASEAN).

Cụ thể, quyết liệt đột phá vào các thị trường mới, nơi có tầng lớp trung lưu gia tăng như các thị trường mới nổi E7 (Trung Quốc, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Mêxico và Indonesia; thị trường Halal (Trung Đông, Malaysia, Brunei).

Ngoài ra, khai thác hiệu quả các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). Tạo thuận lợi hoá, tăng cường chuyển đổi số trong công tác cấp Giấy chứng nhận xuất xứ C/O ưu đãi, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cam kết trong các Hiệp định FTA.

Ông Trần Thanh Hải – Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương chia sẻ, với các FTA mà ta đang có thì việc khai thác các FTA vẫn sẽ mở ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp. Bởi số lượng FTA hiện nay đã bao trùm hầu khắp các thị trường lớn và vẫn còn dư địa tăng trưởng rất tốt.

Tuy nhiên câu chuyện ở đây là để khai thác thị trường có FTA thì chúng ta phải đáp ứng các yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ. Câu chuyện về xuất xứ chỉ là quy định nhưng đằng sau nó là câu chuyện thay đổi về nguồn nguyên liệu sản xuất, thay đổi dây chuyền để có thể đáp ứng được yêu cầu của bạn hàng.

“Doanh nghiệp của chúng ta có thể bước đầu chưa hiểu rõ về quy tắc xuất xứ và chưa nắm được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ nên việc thay đổi cơ cấu đầu tư cũng như gia tăng hàm lượng nguyên liệu nội khối trong sản phẩm bằng cách hợp tác với các nước trong khuôn khổ các FTA còn hạn chế. Như vậy việc phổ biến và làm doanh nghiệp hiểu rõ hơn vấn đề này là trách nhiệm mà Bộ Công Thương thúc đẩy trong thời gian tới” – ông Trần Thanh Hải nêu rõ.

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng rất quan tâm đề đa dạng hóa nguồn thông tin thị trường cho doanh nghiệp, đặc biệt là nguồn tin từ các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài.

### \* Những lưu ý doanh nghiệp cần biết khi xuất khẩu hàng hóa sang Ấn Độ

Ấn Độ vừa là đối tác xuất nhập khẩu đứng thứ 8 của Việt Nam, thị trường tiềm năng còn nhiều dư địa để khai thác, vừa là đối thủ cạnh tranh của Việt Nam đối với một số mặt hàng trên thị trường xuất khẩu toàn cầu (dệt may, thủy sản, giày da, nông sản...). Vì vậy, chính sách ngoại thương của Ấn Độ không chỉ tác động tới xuất nhập khẩu của Ấn Độ mà còn ảnh hưởng đến xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Một số lưu ý trong đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác Ấn Độ, ông Bùi Trung Thương - Tham tán Thương mại - Đại sứ quán Việt Nam tại Ấn Độ - thông tin, làm ăn với các đối tác Ấn Độ “muốn nhanh cũng phải từ từ”. Các doanh nghiệp cần làm cẩn trọng từng bước một, không nên làm tất.

Việc thăm tra, xác minh doanh nghiệp có chính xác hay không là hết sức quan trọng. Bởi hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đang trao đổi qua các đối tác, trung gian mua hàng Ấn Độ, khi mọi thứ thuận lợi thì sẽ rất dễ dàng, nhưng khi có vấn đề gì thì việc tìm kiếm họ là rất khó khăn. Bởi đa phần họ thành lập hộ kinh doanh cá thể và lấy địa chỉ ở một nơi nào đấy, khi chúng ta liên hệ lại địa chỉ này thì không có doanh nghiệp nào ở đấy cả.

Khi nhận được đơn hàng, doanh nghiệp phải gửi email xác nhận xem có đúng là đơn hàng thuộc thẩm quyền của công ty không và yêu cầu ký xác nhận. Tránh trường hợp người đặt hàng sau một thời gian họ nghỉ, người khác tiếp quản cho rằng họ không đặt đơn hàng này.



Hiện, Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ đang hỗ trợ giải quyết một số vụ tranh chấp thương mại, doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ, khi hàng hóa đã cập cảng Ấn Độ nhà nhập khẩu không thanh toán, không nhận hàng hoặc yêu cầu giảm giá với số tiền lớn. Doanh nghiệp Việt Nam cần thăm định kỹ đối tác hoặc thông tin cho Thương vụ trước khi ký kết các hợp đồng thương mại.

Hầu hết các tranh chấp xảy ra đều liên quan đến vấn đề về chất lượng, thâm hụt hàng hóa. Doanh nghiệp cũng cần kiểm tra hàng hóa trước khi giao hàng và thông báo bằng hình ảnh cho đối tác.

Bên cạnh đó, cần thường xuyên giữ liên lạc với đối tác, khách hàng. “Hàng ngày đều phải trao đổi, cần cập nhật thông tin với đối tác. Nếu 3 - 4 ngày mà không thấy họ trả lời lại thì sẽ có vấn đề”, ông Bùi Trung Thuởng thông tin.

Vấn đề kiểm tra trước khi giao hàng, theo ông Bùi Trung Thuởng, đây tưởng chừng là vấn đề đơn giản nhưng hầu hết các tranh chấp xảy ra đều do vấn đề chất lượng hàng hóa. Nhất là khi hàng hóa đã cập cảng, đôi khi hàng hóa không có vấn đề gì thì đối tác vẫn kêu để “ép” đối tác xuất khẩu giảm giá, chiết khấu hàng hóa nếu không họ sẽ không nhận hàng.

Điều này đồng nghĩa tất cả các rủi ro đều bị đẩy về phía doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp Việt Nam không có cách nào khác là phải chấp nhận yêu cầu từ phía đối tác dẫn đến thiệt hại sẽ rất lớn.

“Trước khi giao hàng thì doanh nghiệp cần kiểm tra hàng hóa; chấp nhận thuê cơ quan, đơn vị thứ 3 kiểm định độc lập; mua bảo hiểm hàng hóa. Việc này giúp giảm thiểu tổn thất khi rủi ro xảy ra”, ông Bùi Trung Thuởng khuyến nghị.

Một vấn đề nữa được ông Bùi Trung Thuởng nhắc đến đó là thông lệ quốc tế. Những điều khoản chuyển đổi rủi ro, doanh nghiệp cần nắm thật kỹ, tránh trường hợp nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam cho rằng, xuất khẩu giá FOB, giao hàng tại nhà kho cho yên tâm. Tuy nhiên, chúng ta hoàn toàn không yên tâm khi chúng ta chưa nhận được tiền. Việc doanh nghiệp đưa điều kiện thanh toán mà họ nhận hàng xong mới trả tiền thì rủi ro sẽ thuộc doanh nghiệp xuất khẩu.

Theo ông Bùi Trung Thuởng, các thương nhân Ấn Độ, các nhà đầu tư, nhiều người kinh doanh nhiều kinh nghiệm họ sẽ tìm ra các điểm hạn chế. Đôi khi họ không thực hiện hoạt động lừa đảo nhưng họ thấy việc lợi thế nghiêng về họ thì họ cứ chiếm dụng vốn và khi có hành động can thiệp từ các cơ quan chức năng thì họ hoàn trả.

Giao hàng lên tàu không có nghĩa là doanh nghiệp yên tâm tiền sẽ về tài khoản. Còn rất nhiều vấn đề khác chúng ta không lường trước được. Cần liên tục cập nhật thông tin hàng hóa đang trong quá trình nào. Từng khâu một cần gửi thông tin cho đối tác, yêu cầu xác nhận, đúng điều khoản thanh toán và không nên nhân nhượng.

Hóa đơn chứng từ rõ ràng, tài khoản ngân hàng phải được đề cập trên đây để biết hàng bán cho ai. Cần thể hiện rõ đơn vị nào là đơn vị nhận hàng, đơn vị nào chịu trách nhiệm thanh toán.

Bộ hồ sơ thanh toán phải ghi rõ trên hợp đồng. Bất cứ thay đổi nào so với thỏa thuận trước đây cũng cần thể hiện bằng văn bản. Phải ký lại phụ lục hợp đồng và chuyển qua email chứ không sử dụng mạng xã hội - đây không phải là chứng cứ khi có các phát sinh tranh chấp.

Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa cần tham khảo thông tin chính sách trên trang web của Tổng cục Ngoại thương Ấn Độ. Họ công khai thông tin trên trang web, nhưng điều cần lưu ý đó là họ hay ban hành các văn bản một cách bất ngờ và có hiệu lực ngay lập tức. Đây cũng là rủi ro trong kinh doanh với đối tác Ấn Độ.

“Ấn Độ từ năm 2020 đã có thay đổi rất lớn liên quan đến chứng nhận xuất xứ. Mới đây chúng tôi nhận được thông tin, các lô hàng xuất khẩu từ năm 2020, 2021, họ yêu cầu xác nhận giấy chứng nhận xuất xứ cấp thời điểm đó. Do đó, tất cả các tài liệu, doanh nghiệp cần phải lưu trữ lại”, ông Bùi Trung Thuởng khuyến nghị.

*(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)*



**THÔNG TIN GIAO THƯƠNG****\* Cần mua dứa xiêm, dứa trái khô, cơm dứa sấy khô**

Công ty Nông Sản Cánh Đồng Xanh có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận thu mua và xuất khẩu hàng nông sản.

Hiện doanh nghiệp đang cần mua dứa xiêm, dứa trái khô, cơm dứa sấy khô với số lượng lớn, ổn định theo tháng.

Các cá nhân, tổ chức có khả năng cung ứng, liên hệ theo thông tin sau:

Công ty Nông Sản Cánh Đồng Xanh

Địa chỉ: 562 Quang Trung, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Chị Vân

ĐT: 0902705228

**\* Cần mua mai mực khô với số lượng lớn**

Công ty TNHH Minh Lập Thành có địa chỉ tại TP. Hồ Chí Minh đang có nhu cầu thu mua mai mực (nang mực) khô với số lượng lớn trên toàn quốc.

+ *Yêu cầu:*

- Độ ẩm 10 - 13%

- Trắng, sạch, khô, không bị gãy, nứt, vỡ, không bị mục. Đóng trong thùng carton 5 lớp.

- Kích thước: cần 2 loại:

12 – 15 cm

15 – 25 cm

- Đường kính: tối thiểu 4cm

- Số lượng: Cần số lượng lớn để làm hàng xuất khẩu.

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH Minh Lập Thành

Địa chỉ: 60 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Email: [contact@minhlapthanh.com](mailto:contact@minhlapthanh.com)

Người liên hệ: Mr. Thân

ĐT: 0908290018

**\* Nhận cung cấp bột đạm lông vũ**

Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp tại địa bàn phía Nam nhận cung cấp bột đạm lông vũ với số lượng lớn và giá cả cạnh tranh.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Bột Lông Vũ (Feather Meal) là dạng lông vũ của gia cầm thủy phân hoặc được sản xuất thông qua quy trình thủy phân lông vũ gia cầm sạch, không bị phân huỷ tại lò giết mổ, được biết đến là loại nguyên liệu quan trọng hàng đầu trong thành phần thức ăn chăn nuôi hiện nay.

Bột lông vũ đang được coi là một nguồn protein tự nhiên chất lượng cao và có thể sử dụng trong khẩu phần ăn của tất cả các loại vật nuôi, không riêng gia súc hay gia cầm. Chúng có khả năng thay thế một lượng tương đối lớn các nguồn protein khác trong khẩu phần ăn của gia súc, gia cầm và thủy sản vì đây là nguồn sulfur rất giàu axit amin.

Nguồn protein tốt, có thể thay thế một số bột cá trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.

*Chỉ tiêu chất lượng:*

Protein Tổng hợp - Hàm lượng Protein : 90%

Ăm: 6 - 10%

Béo: 4% - 8%

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Kiệt

Địa chỉ: 53, Phan Văn Lại, Phường 6, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An  
ĐT: 0938 894407

**\* Thu mua bã mía lên men sấy khô ép khối**

Công ty TNHH Kim Nghĩa có trụ sở tại Long An cần mua bã mía lên men sấy khô ép khối. Bã mía là phụ phẩm nhận được sau khi thân mía được ép lấy nước, bã mía chiếm 25-30% trọng lượng mía đem ép. Được dùng trong việc phục vụ chế biến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho bò sữa xuất khẩu sang Nhật Bản và Hàn Quốc.

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH Kim Nghĩa

Địa chỉ: Ấp Chánh, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

ĐT: 0903 360610

Email: kimhuynh.kng@gmail.com

**\* Công ty Nhật Bản muốn nhập khẩu hành trắng**

Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản giới thiệu Công ty Monomaru muốn nhập khẩu sản phẩm hành trắng từ Việt Nam.

Các cá nhân, tổ chức có khả năng đáp ứng, liên hệ theo thông tin sau:

Công ty Monomaru

Người liên hệ: Mr. Đức Nam

ĐT: +816 4705 1085

Email: namnd@monomaru.co.jp

**\* Nhận cung cấp và sản xuất cá rô phi giống**

Cơ sở cá giống Hoa Sơn tại Khánh Hòa nhận cung cấp và sản xuất cá rô phi giống.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Cá rô phi giống đơn tính chất lượng cao.

Sản xuất và quản lý chất lượng cá giống theo tiêu chuẩn quốc tế GlobalGAP.

Doanh nghiệp cung cấp nhiều cỡ cá giống theo nhu cầu của bà con.

Công ty thu mua lại cá thương phẩm phục vụ chế biến xuất khẩu.

+ *Thông tin liên hệ:*

Cơ sở cá giống Hoa Sơn

Email: info@carophi.vn

Địa chỉ: Cơ sở sản xuất giống - xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa

Người liên hệ: Mr. Mạnh:

ĐT: 098 555 76 32/0916 374 708.

**\* Nhận cung cấp enzyme tẩy nhớt bọt, enzyme cắt tạo PROZYME**

TNHH SG BioTech có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh nhận cung cấp enzyme tẩy nhớt bọt, enzyme cắt tạo PROZYME với số lượng lớn.

+ *Thông tin sản phẩm:*

*Công dụng:*

Làm sạch nhớt bọt, không gây mòn bọt, hủy nhanh chóng mùn hữu cơ, thức ăn thừa, chất thải tôm cá nhanh chóng, làm sạch đáy ao nuôi.

Loại bỏ các khí độc, khử mùi hôi đáy ao do chất béo thức ăn phân hủy.

Tăng mật độ vi sinh có lợi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi.

Cắt tạo khí tạo phát triển quá mức.

*Liều dùng:* 100-250g/1000m<sup>3</sup> nước

*Quy cách:* 25Kg/Thùng

*Xuất xứ:* Ấn Độ

+ *Thông tin liên hệ:*

Công Ty TNHH SG BIOTECH



Địa chỉ: 79/22 Lê Thị Riêng, P.Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Ms Quyên

ĐT : 034 2210 968 (Zalo) – 091 6971 948

Email: vothiquyen1195@gmail.com

**\* Nhận cung cấp giống cây mít ruột đỏ**

Công Ty Xuất Nhập Khẩu Nông Nghiệp Tiên Tiến Toàn Cầu có trụ sở tại Hà Nội nhận cung cấp giống cây mít ruột đỏ với giá 110.000đ/cây.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Cây giống chuẩn, sạch sâu bệnh và cam kết chất lượng đến khi cây trưởng thành. Bà con cần tư vấn xin liên hệ: 0973.401.793

\* Đặc điểm: cây giống và trái

Cây giống mít ruột đỏ có nguồn gốc từ Thái Lan và mới được du nhập vào nước ta một vài năm gần đây. Từ khi trồng giống cây mít này cho thấy khả năng thích nghi với điều kiện khí hậu nước ta khá tốt. Cây ra trái to đều và chất lượng ổn định qua các năm.

Hương vị của mít ruột đỏ cũng lạ và ngon hơn giống mít thường. Từng múi từng múi dày ăn dai và có vị ngọt thanh. Đặc biệt chúng thơm mùi dầu chuối và càng để lâu mít càng đỏ ăn càng ngọt và mềm.

Không chỉ thơm ngon mà giống mít này cho quả khá to và nặng. Trọng lượng trung bình mỗi quả khoảng 10kg có quả nặng tới 15kg.

Cây giống mít ruột đỏ này được nhiều nhà vườn ưa chuộng do đặc tính sinh trưởng nhanh và cho thu hoạch khá sớm.

Chỉ cần trồng cây con giống trong vòng 18 tháng là đã có thể cho thu hoạch. Cây mít ruột đỏ cũng cho quả quanh năm và năng suất khá cao .

+ *Thông tin liên hệ:*

Trung Tâm Giống Cây Trồng Tiên Tiến Chất Lượng Cao

Công ty TNHH XNK Nông Nghiệp Tiên Tiến Toàn Cầu

ĐT/Zalo/Fb: 0973.401.793 - 0981.735.077

- Địa chỉ vườn ươm: Hợp Tác xã Giống Cây trồng Cổ Bi, đầu thôn Vàng, ngã tư chợ Vàng - đường Cổ Bi - Gia Lâm - Hà Nội

Email: giongcaytrongkinhtecao@gmail.com

Web: giongcaytrongkinhtecao.vn

**\* Nhận cung cấp bạch tuộc số lượng lớn giá tốt**

Cơ sở kinh doanh thủy sản tại miền Nam nhận cung cấp bạch tuộc số lượng lớn với giá cả ưu đãi.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Bạch tuộc chưa qua ngâm nước, còn độ nhớt tự nhiên của bạch tuộc, không ngâm hóa chất, hàng tươi tự nhiên, mắt trong, da đàn hồi.

- Bạch tuộc 1 da:

+ Kích thước: 18-30 cm/con

+ Trọng lượng: 26- 180 gram/con

- Bạch tuộc 2 da:

+ Kích thước: 27-30 cm/con

+ Trọng lượng: 165- 175 gram/con

Các cá nhân, tổ chức quan tâm, liên hệ theo thông tin sau:

Người liên hệ: Ms Quỳnh

ĐT: 0902445201

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

## THÔNG TIN CẢNH GIÁC

### \* Giá tôm tiếp tục giảm khiến nhiều nông dân ven biển Trà Vinh phải chuyển hướng chăn nuôi

Giá tôm tại Trà Vinh hiện vẫn có xu hướng giảm xuống các mức thấp khiến nhiều nông dân ven biển phải chuyển hướng chăn nuôi.

Tại thời điểm cuối tháng 6 - đầu tháng 7, giá tôm sú, tôm thẻ chân trắng tại Trà Vinh tiếp tục giảm thêm từ 3.000 - 5.000 đồng/kg so với tuần trước đó.

Cụ thể, tôm thẻ chân trắng loại 30 con/kg được thu mua với giá 110.000 đồng/kg; tôm thẻ loại 40 con/kg mua vào giá 95.000 đồng/kg và loại 50 con/kg có giá 90.000 đồng/kg. Đối với tôm sú do sản lượng thu hoạch ít hơn tôm thẻ chân trắng và nhờ thị trường nội địa tiêu thụ khá ổn định nên giá loại 20 con/kg và 30 con/kg chỉ giảm nhẹ ở mức bình quân 3.000 đồng/kg.

Riêng tôm sú được nuôi theo mô hình quảng canh sinh thái (rừng - tôm) được thu hoạch tía thưa đạt kích cỡ 10 - 13 con/kg cung ứng cho chuỗi các nhà hàng lớn có giá thu mua ổn định ở mức 250.000 đồng/kg.

Nguyên nhân khiến giá tôm nguyên liệu tại Trà Vinh nói dài chuỗi thời gian giảm sút từ giữa tháng 6 đến nay là do nhiều hộ dân ở các huyện vùng ven biển trong tỉnh đang bước vào vụ thu hoạch tôm nuôi đầu tiên trong năm. Sản lượng tôm thu hoạch nhiều, trong khi thị trường xuất khẩu tôm hiện rất ít, nhiều nhà máy chế biến, doanh nghiệp xuất khẩu hạn chế số lượng thu mua nên cung chủ yếu cho thị trường tiêu dùng nội địa.

Ngoài ra, áp lực cạnh tranh xuất khẩu từ các quốc gia châu Á khác cũng ảnh hưởng tiêu cực đến giá tôm nguyên liệu tại Trà Vinh nói riêng và cả nước nói chung. Các nước như Thái Lan, Indonesia, Ecuador có lượng tôm xuất khẩu lớn với giá thấp hơn Việt Nam từ 20.000-30.000 đồng/kg. Do vậy, tôm nguyên liệu ở Việt Nam khó cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu. Hiện, các doanh nghiệp xuất khẩu tôm trong nước gần như không có đơn đặt hàng.

Ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh luôn khuyến khích các hộ nuôi tôm có đủ điều kiện về đất đai, nguồn vốn nên mạnh dạn chuyển sang mô hình nuôi tôm siêu thâm canh ứng dụng công nghệ cao, thu hoạch với sản lượng lớn để dễ dàng liên kết sản xuất, ký kết bán trực tiếp với doanh nghiệp, không qua thương lái để giảm các chi phí trung gian. Đối với hộ không có đủ điều kiện thì chuyển sang mô hình nuôi tôm sinh thái phục vụ tiêu dùng nội địa với giá cao hơn hoặc chuyển sang nuôi các loại thủy sản khác đảm bảo thu nhập, tránh được rủi ro.

Vụ nuôi tôm năm 2023, đến nay, tỉnh Trà Vinh đã thả nuôi hơn 5 tỷ con giống tôm sú và tôm thẻ chân trắng trên diện tích hơn 24.100ha; trong đó, có hơn 760 ha tôm thẻ chân trắng được nuôi theo mô hình siêu thâm canh ứng dụng công nghệ cao...

Theo khảo sát của Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh, do giá tôm giảm thấp, đa số nông dân ở các vùng ven biển nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng theo mô hình thâm canh, bán thâm canh tại Trà Vinh đã chuyển sang nuôi cua biển, nuôi xen canh các loại cá chêm, cá đối, cá chốt để đảm bảo nguồn thu nhập, tránh rủi ro giá cả giảm thấp, dịch bệnh trên tôm. Hiện nay, tỉnh Trà Vinh có khoảng 13.000 lượt hộ thả nuôi hơn 135 triệu con cua biển giống, với diện tích gần 19.000 ha cua biển. Nông dân thả nuôi cua biển nhiều nhất theo mô hình xen trong ao nuôi tôm và mô hình rừng - tôm - cua biển.

Việc đa dạng con nuôi thủy sản thay thế cho nuôi vụ tôm thứ 2 trong năm đối với hộ dân không có điều kiện ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm được ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh khuyến khích trong nhiều năm nay bởi đây là mô hình nuôi thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu, đem lại hiệu quả kinh tế khá cao cho nông dân.

Cụ thể như mô hình “Nuôi sò huyết trong ao nuôi tôm quảng canh cải tiến” tại huyện Duyên Hải, được Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Trà Vinh phối hợp với dự án Thích ứng biến đổi với đổi khí hậu Đồng bằng sông Cửu Long (AMD Trà Vinh) hỗ trợ thực hiện trong tháng 6/2022.

*(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)*



**THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM****\* Cảnh báo nguy cơ ngộ độc thực phẩm từ đặc sản trứng kiến**

Từ lâu nay, trứng kiến được xem là một loại đặc sản rất được ưa chuộng tại một số vùng miền. Tuy nhiên, các chuyên gia dinh dưỡng cho rằng nếu không cẩn thận, món ăn này rất dễ gây ngộ độc.

Trứng kiến là món ăn "đặc sản" của vùng núi đông bắc, mùa lấy trứng kiến chỉ rơi vào khoảng đầu và cuối tháng 3 âm lịch. Trứng kiến được chế biến thành rất nhiều món ăn độc lạ như: trứng kiến rang, chá trứng kiến, xôi trứng kiến, bánh trứng kiến, ... Tuy nhiên, không phải loại trứng kiến nào cũng có thể ăn được, loại trứng kiến được sử dụng ở đây là kiến gai đen. Tuy trứng kiến được coi là món ăn bổ dưỡng, tuy nhiên thực tế đã từng có những trường hợp phải nhập viện do sốc phản vệ, ngộ độc nặng khi ăn trứng kiến.

Theo PGS.TS Nguyễn Duy Thịnh (Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm, Đại học Bách khoa Hà Nội), trứng kiến thực chất là loại ấu trùng nhỏ giống như trứng ong, nhộng tằm nên có giá trị dinh dưỡng rất tốt. Đây được coi là món đặc sản của người dân tộc miền núi.

Mặc dù vậy, khả năng chữa bệnh của trứng kiến ra sao thì cho đến nay chưa có bất cứ công trình khoa học nào nghiên cứu và công bố rõ ràng. Trong khi điều này đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ về mặt lâm sàng, được lý rồi mới kết luận chính xác công dụng của trứng kiến đến đâu.

Công dụng của trứng kiến cho đến hiện nay chỉ mang tính dân gian, truyền miệng nên người dân khi sử dụng cần hết sức lưu ý.

Trong khi đó, GS Bùi Công Hiền, Hội Côn trùng học Việt Nam cho biết, hiện nay ở Việt Nam, người dân sử dụng kiến làm thực phẩm ở 2 dạng: Ăn và uống. Ăn trứng kiến và uống rượu ngâm trứng kiến.

Trứng kiến là cách gọi dân gian cho giai đoạn phát triển trước trưởng thành, chủ yếu ở giai đoạn ấu trùng và nhộng kiến được bọc trong một vỏ mỏng màu trắng. Còn trứng kiến thật khi được đẻ ra rất bé, có khi bằng mắt thường cũng khó nhận biết. Hiện nay, mỗi nơi người ta đi thu lượm trứng kiến về ăn, chưa có nhà côn trùng nào đi theo để xác định tên loài cụ thể.

Theo đánh giá của GS Hiền thì chủ yếu người dân hay thu "trứng kiến" của loài kiến cong bụng (Crematogaster spp). Người ta lấy cả tổ kiến về, rũ cho kiến trưởng thành đi hết khỏi tổ, rồi sàng thu lại trứng kiến, sau đó chế biến thành món ăn.

Những trường hợp ăn trứng kiến hay uống rượu kiến bị ngộ độc, nhẹ thì có thể do cơ địa không phù hợp, vì ở kiến trưởng thành có nọc độc chứa axit foocmic. Trường hợp nặng, thậm chí chết người thì phải tìm hiểu kỹ nguyên nhân.

Đối với quan niệm coi trứng kiến là đặc sản, thực tế khoa học chưa chứng minh thành phần của loại thực phẩm này. Hơn nữa trứng lại có những thành phần lạ, tuy là protein tốt nhưng người dùng có thể bị dị ứng như arginin, prolin, histidin...

Cũng theo ông Bùi Công Hiền, kiến là loài côn trùng sống ở nhiều môi trường khác nhau, trong đó có ở nơi ẩm thấp, rừng núi, nên có thể chứa rất nhiều ký sinh trùng, vi khuẩn có hại. Sử dụng trứng kiến này, vô tình chúng ta tự đưa vào cơ thể mình nguồn vi khuẩn có hại. Do đó, tốt nhất là lựa chọn những thực phẩm bổ dưỡng khác, thân thuộc hơn, được khoa học chứng minh để cải thiện tình trạng sức khoẻ, tránh rủi ro bị dị ứng, thậm chí là ngộ độc, tử vong vì trứng kiến.

Khi bị ngộ độc trứng kiến, người bệnh có nguy cơ phù thanh quản, suy hô hấp và nguy cơ tử vong rất cao nếu không được cấp cứu điều trị kịp thời. Do đó, chuyên gia đặc biệt khuyến cáo, không nên ăn các đồ vật lạ hoặc tiếp xúc với các chất lạ, nếu thấy mẩn ngứa, khó chịu cần được đưa ngay đến các cơ sở y tế gần nhất để điều trị kịp thời.

Một điều đáng lưu ý mà ông Hiền cảnh báo là hiện nay, trào lưu uống rượu ngâm trứng kiến khá phổ biến. Đây cũng là nguy cơ tiềm ẩn gây ngộ độc cho người sử dụng. Lý do là trứng kiến đem ngâm rượu thường rất lâu mới đem ra dùng. Khoảng thời gian đó, trứng kiến thường bị biến đổi hóa chất, thành những chất có độc tố cho cơ thể. Hơn nữa cho đến nay, chưa có bất cứ nghiên cứu nào về thành phần sinh hóa trong rượu ngâm kiến để khẳng định tác dụng của nó.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

## GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

## Giá cả trong tỉnh

TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 17/7/2023	Giá cả TT Ngày 24/7/2023	TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 17/7/2023	Giá cả TT Ngày 24/7/2023
I	<b>Thực phẩm tiêu dùng</b>			9	Dưa leo	15.000	10.000
1	Cá điêu hồng	55.000	55.000	10	Khoai cao	25.000	28.000
2	Cá lóc nuôi	65.000	65.000	11	Nấm rom	85.000	85.000
3	Cá kèo nuôi	190.000	190.000	12	Bắp cải trắng	10.000	10.000
4	Cá rô phi	45.000	45.000	13	Đậu que	16.000	16.000
5	Cá trê nuôi	40.000	40.000	14	Đậu đũa	14.000	16.000
6	Cá tra (cá hú)	65.000	65.000	15	Cà tím	16.000	12.000
7	Cá tra thịt trắng	50.000	50.000	16	Bí đao	12.000	12.000
8	Lươn loại 1	190.000	180.000	17	Bí rợ (bí đỏ)	15.000	15.000
9	Ếch nuôi	60.000	65.000	18	Ớt	40.000	40.000
10	Tôm càng xanh	240.000	240.000	19	Gừng	18.000	15.000
11	Mực ống loại lớn	190.000	190.000	20	Đậu bắp	16.000	15.000
12	Thịt heo đùi	110.000	110.000	21	Khô qua	12.000	12.000
13	Thịt heo nạc	110.000	110.000	22	Bầu	12.000	12.000
14	Thịt heo ba rọi	120.000	120.000	23	Cà chua	18.000	15.000
15	Thịt bò đùi	240.000	240.000	III	<b>Trái cây</b>		
16	Thịt bò phi lê (thăn)	250.000	250.000	1	Quýt đường	50.000	45.000
17	Vịt làm sẵn (nguyên con)	85.000 - 90.000	85.000 - 90.000	2	Bưởi năm roi	45.000	40.000
18	Thịt gà ta (nguyên con)	120.000	120.000	3	Xoài cát Hòa Lộc	40.000	30.000
19	Trứng gà ta	4.000	4.200	4	Xoài cát chu	25.000	20.000
20	Trứng gà công nghiệp	3.000	2.800	5	Táo Mỹ	90.000	90.000
21	Trứng vịt	3.400	3.200	6	Táo xanh	110.000	110.000
II	<b>Rau củ quả</b>			7	Dưa hấu	12.000	12.000
1	Cải xanh	15.000	16.000	8	Sapo	30.000	30.000
2	Cải ngọt	16.000	15.000	9	Cam mật	28.000	30.000
3	Cải thìa	15.000	18.000	10	Cam sành	32.000	35.000
4	Rau muống	12.000	14.000	11	Thanh Long	25.000	15.000
5	Rau mồng tơi	10.000	15.000	12	Chôm chôm nhãn	25.000	25.000
6	Cải xà lách	20.000	18.000	13	Mãng cầu xiêm	40.000	30.000
7	Hành lá	28.000	28.000	14	Mãng cầu ta	45.000	35.000
8	Củ kiệu	25.000	25.000	15	Ổi	15.000	15.000

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)



## GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

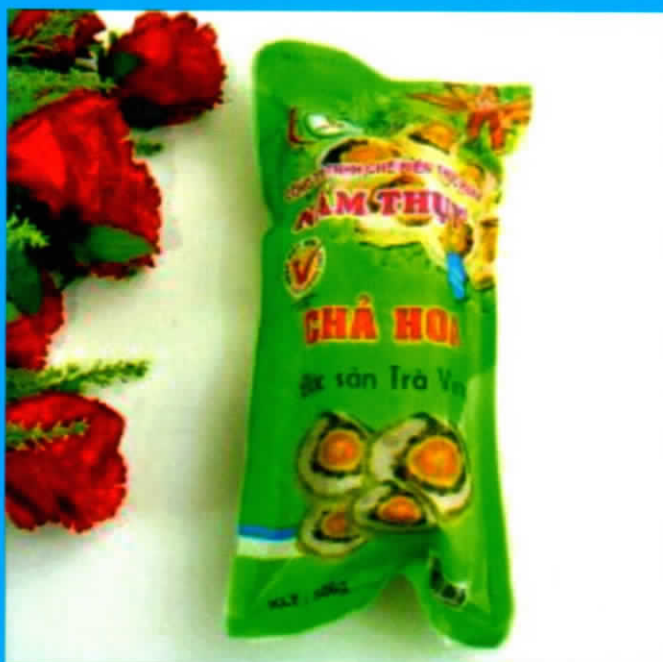
### Giá cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long

TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 17/7/2023	Giá cả TT Ngày 24/7/2023	TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 17/7/2023	Giá cả TT Ngày 24/7/2023
<b>I</b>	<b>Thực phẩm tiêu dùng</b>			31	Cần tàu	30.000	30.000
1	Cải ngọt	15.000	12.000	32	Kiêu	30.000	35.000
2	Cải xanh	15.000	10.000	33	Bầu	12.000	12.000
3	Củ cải trắng	18.000	20.000	34	Mướp	12.000	15.000
4	Rau muống	12.000	12.000	<b>II</b>	<b>Trái cây</b>		
5	Cải xoong	50.000	90.000	1	Cam sành	32.000	35.000
6	Rau dền	15.000	12.000	2	Cam mật	27.000	30.000
7	Mồng toi	10.000	14.000	3	Quýt đường	55.000	45.000
8	Bông bí	30.000	20.000	4	Bưởi năm roi	45.000	40.000
9	Xà lách	20.000	20.000	5	Bưởi da xanh	50.000	50.000
10	Su su	22.000	25.000	6	Xoài cát Chu	25.000	20.000
11	Bắp non	35.000	35.000	7	Xoài cát Hoà Lộc	40.000	30.000
12	Cà rốt	18.000	25.000	8	Xoài Đài Loan	15.000	15.000
13	Khoai tây	25.000	30.000	9	Chôm chôm nhãn	25.000	25.000
14	Củ dền	23.000	25.000	10	Chôm chôm Java	10.000	12.000
15	Cải thảo	25.000	25.000	11	Mãng cầu xiêm	35.000	30.000
16	Dưa leo	17.000	15.000	12	Mãng cầu ta	45.000	55.000
17	Cà tím	15.000	20.000	13	Dưa hấu	12.000	12.000
18	Bí đao	15.000	10.000	14	Thanh Long	25.000	15.000
19	Bí rợ	25.000	20.000	15	Sapo	30.000	25.000
20	Đậu bắp	12.000	15.000	16	Ổi	15.000	15.000
21	Khổ qua	15.000	20.000	17	Táo xanh	110.000	100.000
22	Cà chua	20.000	15.000	18	Táo Mỹ	90.000	80.000
23	Hành lá	35.000	35.000	19	Táo Trung Quốc	60.000	50.000
24	Hẹ	30.000	30.000	20	Nho Mỹ (nho đen)	190.000	190.000
25	Khoai cao	30.000	25.000	<b>III</b>	<b>Gạo</b>		
26	Bắp cải trắng	17.000	15.000	1	Gạo thơm Jasmine	17.000	16.000
27	Đậu que	18.000	25.000	2	Gạo Hương Lài	19.000	19.000
28	Đậu đũa	15.000	15.000	3	Gạo thơm Đài Loan	20.000	20.000
29	Măng tươi	45.000	45.000	4	Gạo Nàng Hoa	19.000	18.000
30	Ốt	50.000	50.000	5	Gạo trắng thường	15.000	15.000

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

# THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

## CHẢ HOA (OCOP 4 SAO) HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ TRÚC LOAN CƠ SỞ SẢN XUẤT NĂM THỤY



*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**PHẠM VĂN TÁM**

**Giám đốc Sở Công Thương**

*Ban Biên tập:*

**NGUYỄN THỊ MỘNG THU** - *Trưởng ban*

**VŨ HỒNG DƯƠNG** - *Phó Trưởng ban*

**PHẠM PHƯỚC TRÃI** - *Phó Trưởng ban*

**XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN**

*In: 500 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại Công ty Cổ phần VHTH Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 20/02/2023. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2023.*